



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình: Ngôn ngữ Trung Quốc
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Trung Quốc
Mã ngành : 7220204
Loại hình đào tạo: Chính quy

Phiên bản điều chỉnh năm 2025, lần 3

Hà Nội, 2025

Số: 64 /QĐ - ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy,
trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ năm 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định số 534/TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình trường đại học tư thục;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 62/QĐ-ĐHĐĐ-HĐT ngày 02/10/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Hướng dẫn về việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo số 498/HD-ĐHĐĐ ngày 06/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo số 17/BB-ĐHĐĐ ngày 24/01/2025 thông qua chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần, điều chỉnh năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 16 chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy; 05 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ; 01 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và các đề cương chi tiết học phần tương ứng (có danh mục chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (K30) trở đi.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng: Hành chính - Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng; Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/ *Đào Hải*

Nơi nhận:

- HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đào Hải



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÓ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đố)

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Ngôn ngữ Anh	7220201
2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
3	Ngôn ngữ Nhật	7220209
4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210
5	Quản lý nhà nước	7310205
6	Quản trị kinh doanh	7340101
7	Thương mại điện tử	7340122
8	Tài chính - Ngân hàng	7340201
9	Kế toán	7340301
10	Luật Kinh tế	7380107
11	Công nghệ thông tin	7480201
12	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205
13	Thú Y	7640101
14	Dược học	7720201
15	Điều dưỡng	7720301
16	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601

Ấn định danh mục có 16 chương trình đào tạo./ *thai n*



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO**



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 62/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình: Ngôn ngữ Trung Quốc
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Trung Quốc
Mã ngành : 7220204
Loại hình đào tạo: Chính quy

Phiên bản điều chỉnh năm 2025, lần 3

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
1.	Giới thiệu về chương trình đào tạo	2
1.1.	Giới thiệu về chương trình đào tạo	2
1.2	Thông tin chung	2
2.	Mục tiêu đào tạo	3
2.1.	Triết lý giáo dục của Trường đại học Đông Đô	3
2.2.	Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Ngoại ngữ	7
2.3.	Mục tiêu của chương trình đào tạo	7
2.3.1.	Mục tiêu chung	7
2.3.2.	Mục tiêu cụ thể	8
3.	Chuẩn đầu ra của chương trình đào	8
4.	Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp	11
5.	Đối sánh chương trình đào tạo	12
6.	Nội dung chương trình đào tạo	17
6.1.	Cấu trúc chương trình đào tạo	17
6.2	Danh sách học phần	18
6.3.	Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT	21
6.4.	Kế hoạch dạy học	24
6.5.	Chiến lược giảng dạy – học tập	27
6.6.	Chiến lược và phương pháp đánh giá	28
6.7.	Sơ đồ tiến trình đào tạo	29
7.	Mô tả tóm tắt học phần	30
8.	Hướng dẫn thực hiện chương trình	48

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
KHOA NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc mặc dù mới được xây dựng, nhưng đã được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc kế thừa từ chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc do Trường Đại học Đông Đô ban hành 2023 và được cải tiến, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và thị trường lao động có liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc. Đồng thời hướng đến đào tạo cử nhân ngôn ngữ Trung Quốc có kiến thức, kỹ năng thực hành theo chuẩn năng lực ngoại ngữ trình độ đại học Việt Nam đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong nước và hội nhập Quốc tế

1.2. Thông tin chung

- + Tên tiếng Việt : Ngôn ngữ Trung Quốc
- + Tên tiếng Anh : Chinese Language
- Mã ngành : 7220204
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Thời gian đào tạo : 4 năm
- Tên bằng tốt nghiệp :
 - + Tiếng Việt : Cử nhân ngôn ngữ Trung Quốc
 - + Tiếng Anh : Chinese Language bachelor's degree
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo : Khoa Ngoại ngữ
- Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Đông Đô
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng : Tiếng Việt, Tiếng Trung Quốc
- Thông tin tuyển sinh:
 - a. Đối tượng tuyển sinh: (Chuẩn đầu vào)
 - Tổ hợp xét tuyển học sinh lớp 12:
 - + Khối D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
 - + Khối D04: Ngữ văn, Toán học, Tiếng Trung
 - + Khối A01: Toán, Lý, Tiếng Anh
 - + Khối D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

+ Khối D78: Toán, KHXH, Tiếng Anh

+ Khối C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa Lý.

+ Các phương án tuyển sinh mới được cập nhật cụ thể hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển học bạ

-Điều kiện tốt nghiệp:

a. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, làm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

b. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0/4.0 trở lên.

c. Điểm rèn luyện đạt từ khá trở lên.

d. Hoàn thành các chứng chỉ và các nghĩa vụ quy định như:

+ Có chứng chỉ giáo dục thể chất

+ Có chứng chỉ giáo dục an ninh quốc phòng

+ Hoàn thành học phí, không nợ tài liệu, sách, các trang thiết bị kỹ thuật khác.

+ Cho đến thời điểm tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1 . Triết lý giáo dục của trường Đại học Đông Đô

Triết lý giáo dục của trường Đại học Đông Đô là: “Nhân văn - Sáng tạo - Thực nghiệp” được chuyển tải vào tất cả các học phần thuộc chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

*** Sứ mệnh**

Khoa Ngoại ngữ có sứ mệnh Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học trong lĩnh vực đào tạo ngoại ngữ. Sinh viên, học viên có nền tảng kiến thức vững chắc, có năng lực đổi mới sáng tạo thích ứng với môi trường làm việc toàn cầu, có trách nhiệm với bản thân và gia đình, cộng đồng và toàn xã hội, phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

*** Tầm nhìn**

Cùng với Trường Đại học Đông Đô, đến năm 2045 Khoa Ngoại ngữ trở thành khoa hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học về Ngôn ngữ ở ba cấp độ đào tạo Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ, có thứ hạng cao trong hệ thống giáo dục đào tạo đại học và sau đại học trong nước, khu vực và quốc tế.

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Trung Quốc có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung, đáp ứng được yêu cầu của xã hội; đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, có thể sử dụng tiếng Trung thành thạo, linh

hoạt và có năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1(K): Sinh viên tốt nghiệp có nền tảng về triết học, kinh tế chính trị học, đường lối cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như kiến thức về pháp luật để xây dựng phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội văn minh và bảo vệ tổ quốc. Được trang bị những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn; đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực có liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc.

PO2 (K): Có hiểu biết về văn hóa, xã hội, lịch sử của hai nước Trung Quốc và Việt Nam, có trình độ công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển trong công việc, khởi nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn; có trình độ tiếng Trung Quốc đạt bậc 5/6

Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật để làm việc độc lập với tư cách là một biên, phiên dịch viên, nhân viên giao dịch quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Có phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Trung Quốc để nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

PO3(S): Kỹ năng ngôn ngữ, sử dụng tiếng Trung Quốc đạt trình độ tương đương HSK 5, đặc biệt là biên phiên dịch các chuyên ngành kinh tế, thương mại, du lịch. Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ Trung Quốc, lý luận và phương pháp dịch thuật vào giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếng Trung và công tác biên, phiên dịch; Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học và các kỹ năng mềm trong giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

PO4 (S): Đủ điều kiện tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện học liên thông sang các chuyên ngành khác; khả năng tự học, nghiên cứu và phát triển ngành ngôn ngữ Trung Quốc, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời.

PO5: (S) có trình độ ngoại ngữ 2 đạt bậc 3/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam, có khả năng đọc hiểu, giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ thứ hai trong học tập và công việc. ~~Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT., phục vụ hiệu quả cho nghiên cứu và nghề nghiệp.~~

PO6: (A) Có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước. Có ý thức công dân, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Chủ động và sáng tạo trong công việc chuyên môn, khởi nghiệp tạo việc làm cho bản thân và người khác trong lĩnh vực, có năng lực tự học, tự định hướng, thích ứng với thay đổi, có khả năng lãnh đạo, điều phối, hợp tác và khởi nghiệp, đồng thời biết đánh giá, cải tiến hoạt động chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và phát triển bền vững trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Programme Learning Outcomes – Gọi tắt là PLOs).

3.1 Chuẩn đầu ra của CTĐT

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Ngôn Ngữ Trung Quốc sinh viên có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
1. Khối kiến thức		
1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương		
PLO1 (K)	Giải thích một cách đúng đắn khách quan các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy bằng các quan điểm triết học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh Vận dụng triển khai quan điểm của triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, năng lực số, khoa học xã hội, pháp luật, an ninh quốc phòng, vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn.	K2 K3
PLO2 (K)	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn CNTT cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT, vận dụng kiến thức của CNTT vào việc học tiếng Trung Quốc. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ cơ sở B1 hoặc tương đương theo quy định của BGD.	K3
1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành		
PLO3 (K)	Hiểu và nắm vững được các kiến thức cơ sở về ngôn ngữ học, văn hoá, tư duy logic và tâm lý học, hiểu biết về khác biệt văn hoá Việt - Trung, làm nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	K3 K4
PLO4 (K)	Xác định được các phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn hoá và dịch thuật tiếng Trung Quốc, phục vụ cho học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp.	K3 K4
1.3. Khối kiến thức chuyên ngành		
PLO5 (K)	Phân tích được hệ thống kiến thức chuyên ngành về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, và kỹ năng giao tiếp – dịch thuật của tiếng Trung Quốc, làm cơ sở cho việc vận dụng trong học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp.	K3 K4
PLO6 (K)	Phân tích vận dụng kiến thức chuyên sâu về tiếng Hán hiện đại (ngữ âm, ngữ pháp, dịch thuật, viết học thuật).	K3 K4
2. Kỹ năng		
2.1. Kỹ năng nghề nghiệp		
PLO7 (S)	Sử dụng thành thạo kỹ năng nghề nghiệp như nghe, nói, đọc, viết của Ngôn ngữ Trung Quốc.	S3 S4

PLO8 (S)	Vận dụng kỹ năng biên phiên dịch trong các lĩnh vực hành chính , du lịch, thương mại, truyền thông	S3 S4
PLO9 (S)	Ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ số trong học tập, dịch thuật, giao tiếp và thuyết trình để giải quyết vấn đề liên quan trong hoạt động nghề nghiệp.	S3 S4
2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử		
PLO10 (S)	Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, có tư duy hệ thống, khoa học và tư duy phản biện, có khả năng thuyết trình, giao tiếp và xử lý tình huống trong môi trường đa văn hoá	S3 S4
2.3. Thái độ và mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO11 (A)	Chủ động đề xuất ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm học tập và làm việc cho đồng nghiệp, có kỹ năng làm việc độc lập. Có phương pháp, thái độ làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	A3 A4
PLO12 (A)	Xây dựng được kế hoạch học tập, làm việc huyên môn sau khi ra trường, thực hiện dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	A3 A4

3.2. Mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo (Bảng 2)

CDR của CTĐT (ILOs)												
Mục tiêu đào tạo (POs)	Kiến thức (K)						Kỹ năng (S)				Mức tự chủ và chịu trách nhiệm (A)	
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
PO1	K2 K3											
PO2		K3	K3 K4	K3 K4	K3 K4	K3 K4						
PO3							S3 S4					
PO4								S3 S4				
PO5									S3 S4	S3 S4		
PO6											A3 A4	A3 A4

3.3. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT và khung trình độ quốc gia (Bảng 3)

	Khung đánh giá năng lực trình độ quốc gia															
CĐR của CTĐT	Kiến thức (K)						Kỹ năng (S)					Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (A)				
TT	K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4	A5
PLO1		x	x													
PLO2			x													
PLO3			x	x												
PLO4			x	x												
PLO5			x	x												
PLO6			x	x												
PLO7									x	x						
PLO8									x	x						
PLO9									x	x						
PLO10									x	x						
PLO11														x	x	
PLO12														x	x	

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Cử nhân ngôn ngữ Trung Quốc của Đại học Đông Đô có những kiến thức cần thiết về lịch sử, kinh tế, văn hoá, xã hội, có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành, có khả năng tham gia nhiều vị trí công tác trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện, văn phòng thương mại, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ của các nước trong khu vực, ở Việt Nam, ở các nước sở tại, ở các vùng, miền lãnh thổ sử dụng tiếng Trung Quốc, trong các tổ chức đơn vị doanh nghiệp có vốn đầu tư của Trung Quốc;

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận được các vị trí: Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các nhà xuất bản, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí

Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý ngôn ngữ Trung Quốc trong các công ty, đơn vị, tổ chức có sử dụng tiếng Trung Quốc;

Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn;

5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Bảng 4)

STT	Nội dung so sánh	Trường Đại học Đông Đô	CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SO SÁNH	
			Trường Đại học Hà Nội	Trường Đại học Hòa Bình
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm
2	Khối lượng kiến thức toàn khóa	141	138	143
3	Cấu trúc của chương trình	129	126	131
4	Khối kiến thức			
4.1	Kiến thức giáo dục đại cương	29	29	25
4.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	82	85	96
	Trong đó:			
4.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	9	10	8
4.2.2	Kiến thức chuyên ngành	74	72	72
4.3	Thực tập	3	3	3
4.4	Khóa luận tốt nghiệp	6	9	7

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Bảng 5 : Mối quan hệ giữa các khối học phần với chuẩn đầu ra của CTĐ

Các khối kiến thức	Số TC	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
			Kiến thức (K)						Kỹ năng (S)				Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (A)	
			PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
Khối kiến thức giáo dục đại cương	29	22,48%	K2 K3	K3							S3 S4	S3 S4	A3 A4	A3 A4
Khối kiến thức cơ sở ngành	9	6,97%			K3 K4	K3 K4			S3 S4	S3 S4	S3 S4	S3 S4	A3 A4	A3 A4
Khối kiến thức chuyên ngành	82	63,56%					K3 K4	K3 K4	S3 S4	S3 S4	S3 S4	S3 S4	A3 A4	A3 A4
Thực tập & Đồ án tốt nghiệp	9	6,97%					K3 K4	K3 K4	S3 S4	S3 S4	S3 S4	S3 S4	A3 A4	A3 A4
Tổng	129	100%												

6.2. Danh mục học phần và phân bổ thời lượng

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số TC	Phân bổ tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
6.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương			29		
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	2	1
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	7GDC027	Kỹ năng mềm	2	2	0
7	7GDC044	Năng lực số	2	1	1
8	7GDC019	Tin học đại cương	3	1	2
9	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
10	7NNA001	Ngôn ngữ Anh 1	3	3	1
11	7NNA002	Ngôn ngữ Anh 2	3	3	1
12	7NNA003	Ngôn ngữ Anh 3	3	3	1
	7GDT002	Giáo dục thể chất	4		
	7GAQ001	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	8		
6.2.2. Kiến thức cơ sở ngành			9		
Học phần bắt buộc			7TC		
13	7GDC041	Dẫn luận ngôn ngữ	2	1	1
14	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
15	7NNT001	Tập viết chữ Hán	3	2	1
Học phần cơ sở ngành tự chọn			2/4TC		
16	7GDC020	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
17	7GDC042	Nghiệp vụ văn phòng	2	1	1
18	7GDC026	Logic hình thức	2	2	0
19	7GDC022	Tâm lý học đại cương	2	2	0
6.2.3. Kiến thức chuyên ngành			82		
Học phần chuyên ngành bắt buộc			74TC		
20	7NNT002	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	4	3	1
21	7NNT003	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4	3	1
22	7NNT004	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4	3	1
23	7NNT005	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4	3	1
24	7NNT006	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4	3	1

25	7NNT007	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	4	3	1
26	7NNT008	Nghe nói 1	2	1	1
27	7NNT009	Nghe nói 2	3	1	2
28	7NNT010	Nghe nói 3	3	1	2
29	7NNT011	Nghe nói 4	3	1	2
30	7NNT012	Đọc viết 1	2	1	1
31	7NNT013	Đọc viết 2	2	1	1
32	7NNT014	Đọc viết 3	3	1	2
33	7NNT015	Đọc viết 4	3	1	2
34	7NNT016	Lý thuyết dịch	2	1	1
35	7NNT017	Đất nước học Trung Quốc	2	1	1
36	7NNT018	Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2	1	1
37	7NNT019	Ngữ Pháp tiếng Hán hiện đại	3	1	2
38	7NNT020	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2	1	1
39	7NNT021	Dịch nói 1	3	1	2
40	7NNT022	Dịch nói 2	3	1	2
41	7NNT023	Dịch nói 3	3	1	2
42	7NNT024	Dịch viết 1	3	1	2
43	7NNT025	Dịch viết 2	3	1	2
44	7NNT026	Dịch viết 3	3	1	2
Học phần chuyên ngành tự chọn			8TC		
45	7NNT027	Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội	3	1	2
46	7NNT028	Văn học Trung Quốc	3	1	2
47	7NNT029	Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán	3	1	2
48	7NNT030	Khẩu ngữ tiếng Trung 1	3	1	2
49	7NNT031	Khẩu ngữ tiếng Trung 2	3	1	2
50	7NNT032	Tiếng Trung du lịch	2	1	1
51	7NNT033	Tiếng Trung khách sạn nhà hàng	2	1	1
52	7NNT034	Tiếng Trung báo chí	3	1	2
53	7NNT035	Tiếng Trung văn phòng	2	1	1
6.2.4. Thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp			9TC		
54	7NNT036	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3
55	7NNT037	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6
6.2.5. Học phần thay thế			6		
56	7NNT038	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	1	2
57	7NNT039	Kỹ năng thuyết trình	3	1	2
Tổng			129		

6.3 Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện trong bảng

TT	Mã HP	Tên HP	Kiến thức (K)						Kỹ năng (S)				Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (A)	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Kiến thức giáo dục đại cương (bắt buộc) 30 TC														
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	K2 K3									S3	A3	
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	K2 K3									S3	A3	
3	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K2 K3									S3	A3	
4	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K2 K3									S3	A3	
5	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K2 K3									S3	A3	
6	7GDC027	Kỹ năng mềm		K3								S4	A3	
7	7GDC044	Năng lực số	K3	K3					S3				A3	
8	7GDC019	Tin học đại cương		K3					S3				A3	
9	7GDC006	Pháp luật đại cương		K3					S3				A3	
10	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1		K2 K3					S2				A2	
11	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2		K2 K3					S3				A2	
12	7GDC009	Ngôn ngữ Anh 3		K3					S3				A3	
	7GDT002	Giáo dục thể chất												

	7GAQ001	Giáo dục Quốc phòng-An ninh												
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp														
<i>Kiến thức cơ sở ngành 9TC</i>														
<i>Học phần bắt buộc 2 tc</i>														
12	7GDC041	Dẫn luận ngôn ngữ			K4	K4						S3	A3	
13	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học			K4						S3	S3	A3	
14	7NNT001	Tập viết chữ Hán			K3	K4						S3	A3	
<i>Học phần tự chọn 2 tc (Chọn 1 trong 4 học phần sau)</i>														
15	7GDC020	Cơ sở văn hóa Việt Nam			K3	K3						S3	A3	
16	7GDC042	Nghiệp vụ văn phòng			K3	K3						S4	A3	
17	7GDC026	Logic hình thức			K3	K3						S4	A3	
18	7GDC022	Tâm lý đại cương			K3	K3						S4	A3	
<i>Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc 74 TC</i>														
19	7NNT002	Tiếng Trung Quốc					K3		S3		S3	S3	A3	
		tổng hợp 1												
20	7NNT003	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2					K3		S3		S3	S3	A3	
21	7NNT004	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3					K3		S3		S3	S3	A3	
22	7NNT005	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4					K4	K4	S4		S4	S4	A4	
23	7NNT006	Tiếng					K4	K4	S4		S4	S4	A4	

		Trung Quốc tổng hợp 5												
24	7NNT007	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6					K4	K4	S4		S4	S4	A4	
25	7NNT008	Nghe nói 1					K3	K3	S3		S3		A3	
26	7NNT009	Nghe nói 2					K3	K3	S3		S3		A3	
27	7NNT010	Nghe nói 3					K4	K4	S4		S4		A4	
28	7NNT011	Nghe nói 4					K4	K4	S4		S4		A4	
29	7NNT012	Đọc viết 1					K3	K3	S3		S3		A3	
30	7NNT013	Đọc viết 2					K3	K3	S3		S3		A3	
31	7NNT014	Đọc viết 3					K4	K4	S4		S4		A4	
32	7NNT015	Đọc viết 4					K4	K4	S4		S4		A4	
33	7NNT016	Lý thuyết dịch					K4	K4	S4	S4	S4		A4	
34	7NNT017	Đất nước học Trung Quốc					K4	K4	S4	S4	S4		A4	
35	7NNT018	Ngữ âm văn tự tiếng Hán					K4	K4	S4		S4		A4	
36	7NNT019	Ngữ Pháp tiếng Hán hiện đại					K4	K4	S4	S4	S4		A4	
37	7NNT020	Từ vựng học tiếng Trung Quốc					K4	K4	S4	S4	S4		A4	
38	7NNT021	Dịch nói 1					K3		S3	S3	S3	S3	A3	
39	7NNT022	Dịch nói 2					K4		S4	S4	S4	S4	A4	
40	7NNT023	Dịch nói 3					K4		S4	S4	S4	S4		A4
41	7NNT024	Dịch viết 1					K3		S3	S3	S3	S3	A3	
42	7NNT025	Dịch viết 2					K4		S3	S3	S3	S4	A4	
43	7NNT026	Dịch viết 3					K4		S3		S4			A4
Học phần tự chọn 8 tc (Chọn 3 trong 9 học phần)														
44	7NNT027	Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội						K4		S3	S3	S4	A3	
45	7NNT028	Văn học						K4	S3	S3	S3	S4	A3	

		Trung Quốc												
46	7NNT029	Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán						K4	S3	S3	S3	S4	A3	
47	7NNT030	Khẩu ngữ tiếng Trung 1						K4	S3	S3	S3	S4	A3	
48	7NNT031	Khẩu ngữ tiếng Trung 2						K4	S3	S3	S3	S4	A3	
49	7NNT032	Tiếng Trung du lịch						K4		S3	S3	S4	A3	A3
50	7NNT033	Tiếng Trung khách sạn nhà hàng						K4		S3	S3	S4	A3	A3
51	7NNT034	Tiếng Trung báo chí						K4		S3	S3	S4	A3	A3
52	7NNT035	Tiếng Trung văn phòng						K4		S3	S3	S4	A3	A3
Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp 9TC														
53	7NNT036	Thực tập tốt nghiệp						K4		S3	S3	S4	A3	A4
54	7NNT037	Khóa luận tốt nghiệp						K4		S3	S3	S4	A3	A4
Học thay thế khóa luận tốt nghiệp														
55	7NNT038	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc						K4	S3		S3	S4		A4
56	7NNT039	Kỹ năng thuyết trình						K4	S3		S3	S4		A4

6.6 . Kế hoạch đào tạo dự kiến (tiền trình đào tạo)

Học kỳ	Tổng số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Học phần		
					Lý thuyết	Thực hành /thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và tự kiểm tra đánh giá	Tiền quyết	Học trước	Song hành
Kỳ I	19	7NNT001	Tập viết chữ Hán	3	2	1		x		
		7NNT002	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	4	3	1		x		
		7NNT003	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4	3	1			x	
		PHI1001	Triết học Mác-Lênin	3	3	0		x		
		7GDC27	Kỹ năng mềm	2	1	1			x	
		7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	3	1		x		
Kỳ II	19	7NNT004	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4	3	1			x	
		7NNT005	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4	3	1			x	
		7NNT008	Nghe nói 1	2	1	1	x			
		7NNT012	Đọc viết 1	2	2	0	x			
		7GDC002	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	2	0		x		
		7GDC044	Năng lực số	2	1	1				
		7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	2	1		x		
		7NNT009	Nghe nói 2	3	2	1		x		
		7NNT013	Đọc viết 2	2	2	0		x		
Kỳ III	18	7NNT006	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4	3	1				x
		7NNT007	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	4	3	1				x
		7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0			x	
		7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		x		
		7GDC009	Ngôn ngữ Anh 3	3	2	1			x	
Kỳ IV	17	7DGC019	Tin học đại cương	3	2	1			x	

		7NNT010	Nghe nói 3	3	2	1			x	
		7GDC014	Độc viết 3	3	2	1			x	
		7NNT016	Lý thuyết dịch	2	2	0				
		7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		x		
		7GDC041	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2	0	x			
			Cơ sở ngành TC	2						
		7GDC020	Cơ sở Văn hoá Việt Nam	2	2	0				
		7GDC042	Nghiệp vụ văn phòng	2	1	1				
		7GDC026	Logic hình thức	2	2	0				
		7GDC022	Tâm lý học đại cương	2	2	0				
Kỳ V	18	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0			x	
		7NNT -10	Nghe nói 4	3	2	1			x	
		7NNT -14	Độc viết 4	3	2	1			x	
		7NNT018	Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2	2	0			x	
		7NNT021	Dịch nói 1	3	2	1	x			
		7NNT024	Dịch viết 1	3	2	1	x			
		Tự chọn (chọn 1/4 học phần)								
		7NNT033	Tiếng Trung Quốc khách sạn nhà hàng	2	2	0				x
		7NNT032	Tiếng Trung Quốc du lịch	2	2	0				x
		7NNT035	Tiếng Trung Quốc trong văn phòng	2	2	0				x
		7NNT017	Đất nước học Trung Quốc	2	2	0				x
Kỳ VI	18	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0			x	
		7NNT -21	Dịch nói 2	3	2	1		x		
		7NNT -24	Dịch viết 2	3	2	1		x		
		Tự chọn (chọn 2/6 học phần)								
		7NNT027	Thuyết minh du lịch Hà Nội	3	2	1				x
		7NNT028	Văn học Trung Quốc	3	2	1				x

		7NNT029	Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán	3	2	1				x
		7NNT030	Khẩu ngữ tiếng Trung 1	3	2	1	x			
		7NNT031	Khẩu ngữ tiếng Trung 2	3	2	1		x		
		7NNT034	Tiếng Trung báo chí	3	2	1				x
Kỳ VII	11	7NNT019	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại	3	3	0			x	
		7NNT023	Dịch nói 3	3	2	1			x	
		7NNT026	Dịch viết 3	3	2	1			x	
		7NNT020	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2	2	0			x	
Kỳ VIII	9	7NNT036	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	x			
		7NNT037	Khóa luận tốt nghiệp	6	4	2				x
		7NNT038	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	2	1				x
		7NNT039	Kỹ năng thuyết trình	3	2	1				x
	130	Tổng		9	4	5				

6.7. Chiến lược giảng dạy – học tập

Hướng dẫn: Khái quát các chiến lược giảng dạy và học tập chủ yếu của CTĐT (yêu cầu bám sát vào đề cương chi tiết học phần).

ác phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra, thể hiện trong Bảng 6

Bảng 6. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT và phương pháp dạy-học

(Hướng dẫn: Đánh dấu × vào các mục tương ứng)

Chiến lược và phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của CTĐT											
	K (Kiến thức)						S(Kỹ năng)				A(Thái độ tự chủ)	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO 10	PLO11	PLO12 12

1. Thuyết trình	X	X	X	X	X	X				X		
2. Thảo luận nhóm			X	X			X	X		X	X	
3. Thực hành						X	X	X	X			
4. Tự học	X	X	X	X	X	X	X				X	X
5. Đàm thoại GV-SV			X			X	X	X		X		
6. Đóng vai (NN)							X	X		X		
7. PP chủ động			X	X		X	X	X	X	X	X	
8. Giải quyết vấn đề	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
9. Dự án				X		X	X	X	X	X	X	X

6.8. Chiến lược và phương pháp đánh giá

(Hướng dẫn: Mô tả khái quát các phương pháp đánh giá có trong CTĐT)

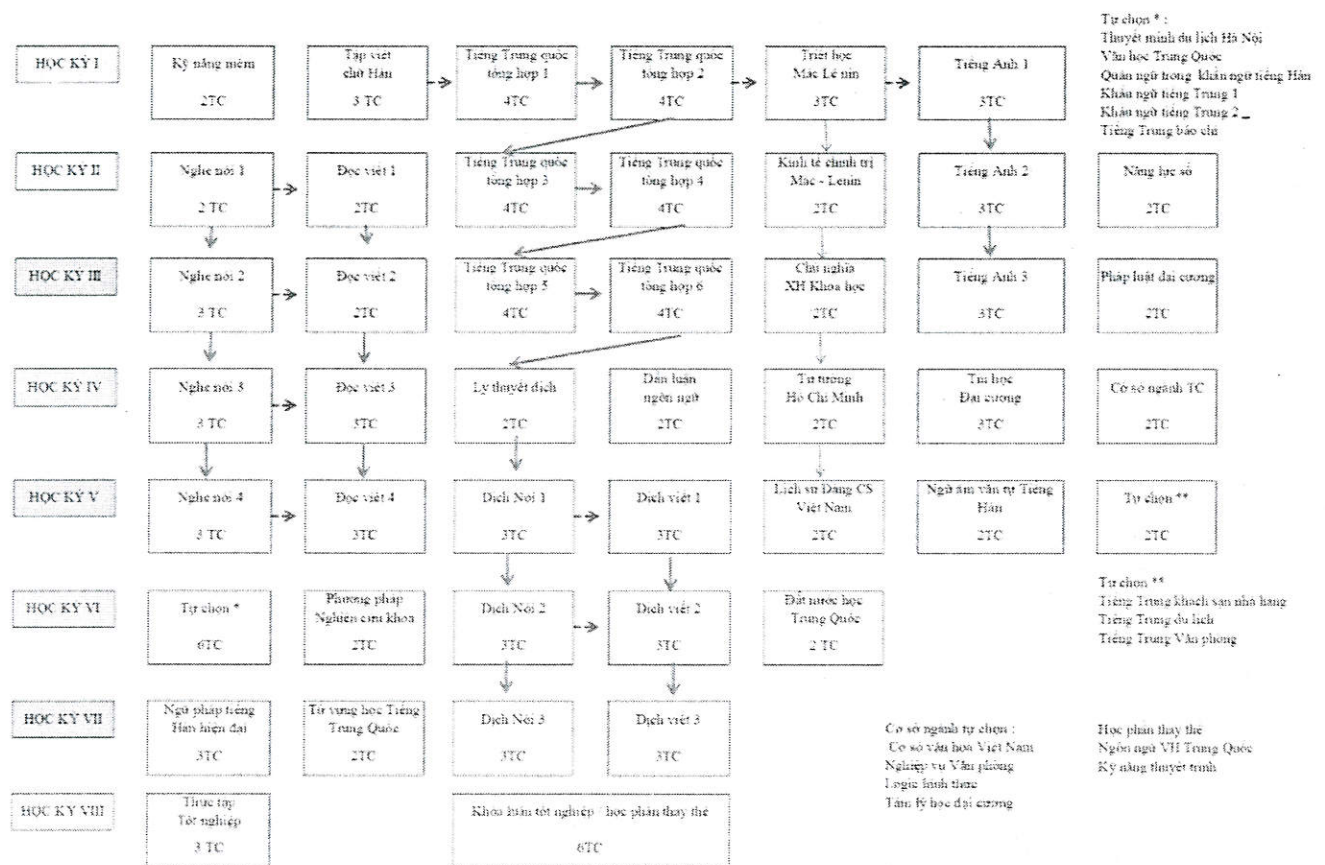
Bảng 7. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐ

Phương pháp đánh giá	CĐR của CTĐT (PLOs)											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Hoạt động nhóm	X		X	X			X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm khách quan	X	X	X	X	X	X			X			
Thi tự luận	X	X	X	X	X	X						
Thi vấn đáp			X	X	X	X	X			X	X	
Tiểu luận			X	X		X		X	X	X	X	X

{Trình bày rubrics đánh giá cơ bản của chương trình, ví dụ rubrics đánh giá khóa luận (do bộ môn quản lý chương trình xây dựng)}...

6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo

Trong đó: Tiên quyết Học trước Học song hành



7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Triết học Mác - Lênin	Tên tiếng Anh: Marx - Lenin Philosophy
2. Mã học phần:	7GDC001
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức	Đại cương
5. Loại học phần	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian	
- Tổng số giờ chuẩn	150 giờ
- Lý thuyết	44 giờ
- Kiểm tra điều kiện	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	105 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh và GV nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	(Không)
- Học phần học trước:	(Không)
- Học phần song hành:	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lê nin, về vai trò của triết học Mác – Lê nin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các phạm trù, quy luật cơ bản của triết học Mác – Lênin và vai trò phương pháp luận của triết học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng nguyên lý, quy luật triết học để lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội và thực tiễn nghề nghiệp chuyên ngành.
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng triết học Mác – Lênin.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và

		nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với triết học Mác - Lênin.

2. HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Tên tiếng Anh: Political Economics of Marxism and Leninism
2. Mã học phần:	7GDC002
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Tổng giờ chuẩn:	100
- Lý thuyết:	29 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	70 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh và GV nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết	Triết học Mác – Lê nin
- Học phần học trước	Triết học Mác – Lê nin
- Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Kinh tế chính trị Mác - Lênin như đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; từ chương 2 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản về: Hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN, Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các phạm trù, quy luật, nguyên lý cơ bản và vai trò phương pháp luận của kinh tế chính trị Mác – Lênin đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng kiến thức, phương pháp luận kinh tế chính trị Mác - Lênin để lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội và thực tiễn nghề nghiệp chuyên ngành.

CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng lý luận Kinh tế chính trị Mác - Lênin.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với kinh tế chính trị Mác - Lênin.

3. HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(Scientific Socialism)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tên tiếng Anh: Scientific Socialism
2. Mã học phần:	7GDC003
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
-Tổng giờ chuẩn:	100 giờ
- Lý thuyết:	29 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	70 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh và nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần	
-Học phần tiên quyết	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
-Học phần học trước	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những quan điểm cơ bản về: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo và Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐN L	Mô tả CĐR học phần
--------------	-------	--------------------

CLO1	K2	Giải thích được các nguyên lý, quan điểm, quy luật cơ bản và vai trò phương pháp luận của chủ nghĩa xã hội khoa học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích các vấn đề chính trị – xã hội, liên hệ ngành nghề đang học
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng chủ nghĩa xã hội khoa học.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với chủ nghĩa xã hội khoa học.

4. HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh Thought
2. Mã học phần:	7GDC004
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
-Tổng số giờ chuẩn	100 giờ
- Lý thuyết:	29 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
-Tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm	70 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Nguyễn Văn Trường và nhóm GV soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần	
-Học phần tiên quyết	Chủ nghĩa xã hội khoa học
-Học phần học trước	Chủ nghĩa xã hội khoa học
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh được kết cấu làm 6 chương. Chương 1 trình bày về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Chương 2 giới thiệu về cơ sở và quá trình hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 3 đến chương 6 bao gồm các quan điểm về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân

dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người của Hồ Chí Minh

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các quan điểm cơ bản và vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng các quan điểm và phương pháp luận tư tưởng Hồ Chí Minh để lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội và thực tiễn nghề nghiệp chuyên ngành.
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với tư tưởng Hồ Chí Minh.

5. HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Tên tiếng Anh: History of the Vietnamese Communist Party
2. Mã học phần:	7GDC005
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Tổng số giờ chuẩn	100 giờ
- Lý thuyết:	29 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm	70 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Nguyễn Văn Trường và GV nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết	Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần học trước	Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm hệ thống các quan điểm về: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay) và Kết luận.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được nội dung, tính đúng đắn, sáng tạo các quan điểm cơ bản, đường lối cách mạng và ý nghĩa, bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.
CLO2	K3	Vận dụng phương pháp luận khoa học và các bài học kinh nghiệm của Đảng để phân tích các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, liên hệ ngành nghề đang học
CLO3	S3	Sử dụng thành thạo kiến thức và phương pháp luận lịch sử Đảng để xây dựng quan điểm khoa học của cá nhân
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

6. HỌC PHẦN KỸ NĂNG MỀM

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng mềm	Tên tiếng Anh: Soft skills
2. Mã học phần:	7GDC027
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	15
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	- ThS. Phan Thị Thom - ThS. Vũ Thị Tố Uyên
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần kỹ năng mềm giúp sinh viên có thể thích ứng tốt với cộng đồng, cuộc sống và môi trường xung quanh. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức khoa học thành các kỹ năng thái độ trong học tập và cuộc sống. Kỹ năng mềm mang tính mềm dẻo, linh động tùy thuộc vào hoàn cảnh và môi trường, phụ thuộc nhiều vào tương tác giữa người và người trong cuộc sống, công việc và nó chủ yếu mang tính “nghệ thuật”. Trái lại với kỹ năng cứng kỹ năng mềm thay đổi theo môi trường, theo con người tiếp xúc cụ thể, và cần độ nhạy cảm xúc để thích nghi, nắm bắt và vận dụng. Kỹ năng mềm thường được lĩnh hội qua trải nghiệm, các va chạm trong cuộc sống.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	<i>Phân tích</i> được các kiến thức cơ bản trong các kỹ năng mềm cơ bản phục vụ cho kỹ năng chuyên môn chính.
CLO2	S4	<i>Phát triển</i> các kỹ năng mềm cần thiết trong quá trình học tập, trong cuộc sống và trong tương tác với đối tác khi thực hiện chuyên môn
CLO3	A3	<i>Chia sẻ</i> kiến thức và kinh nghiệm trong các hoạt động học tập, cuộc sống và chuyên môn khi công tác.

7. HỌC PHẦN NĂNG LỰC SỐ

1. Tên học phần (tiếng Việt): Năng lực số	Tên tiếng Anh: Digital capacity
2. Mã học phần:	7GDC044
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	15 tiết
- Thi nghiệm, thực hành, thảo luận	14 tiết
- Đánh giá giữa học phần	1 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Theo tiến trình đào tạo

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần **Năng lực số** cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về công nghệ số, năng lực thông tin, kỹ năng sử dụng công cụ số và phẩm chất công dân số trong bối

cảnh chuyển đổi số quốc gia. Người học được trang bị khả năng tiếp cận, đánh giá, quản lý và sáng tạo nội dung số một cách an toàn, có đạo đức và hiệu quả; hiểu rõ công nghệ cốt lõi (AI, IoT, dữ liệu lớn, điện toán đám mây...) thúc đẩy chuyển đổi số; đồng thời

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Vận dụng triển khai được khái niệm, cấu trúc và vai trò của năng lực số trong học tập, nghề nghiệp và đời sống.
CLO2	K3	Biểu diễn được các yếu tố cấu thành năng lực số và mối liên hệ giữa chuyển đổi số và phát triển con người số.
CLO3	S3	Sử dụng thành thạo các công cụ và nền tảng số trong tìm kiếm, lưu trữ, đánh giá và sử dụng thông tin một cách hiệu quả.
CLO4	A3	Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm học tập, nghiên cứu và làm việc cho tập thể, thể hiện ý thức, đạo đức và hành vi phù hợp của công dân số trong không gian mạng.
CLO5	A3	Đề xuất ý kiến trong học tập, cập nhật công nghệ và phát triển năng lực số suốt đời trong kỷ nguyên số.

8. HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tin học đại cương	Tên tiếng Anh: General Informatics
2. Mã học phần:	7DGC019
3. Số tín chỉ:	3
4. Thuộc khối kiến thức:	Khối kiến thức giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	14 tiết
- Đánh giá giữa học phần:	1 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	90 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	- TS. Phạm Thế Quế - TS. Nguyễn Duy Bảo - ThS. Lê Kim Thanh
8. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không

- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm 2 nội dung:

- Phần 1: Các khái niệm cơ sở về thông tin, phần cứng và phần mềm máy tính, các ứng dụng và đạo đức nghề nghiệp.

- Phần 2: Kiến thức kỹ năng sử dụng: hệ điều hành, MS office (hoặc Open office) và khai thác một số dịch vụ trên Internet.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Vận dụng triển khai các kiến thức cơ bản về dữ liệu, đơn vị đo thông tin, phân loại thông tin, khái niệm xử lý thông tin, các kiến thức hệ điều hành, một số phần mềm thông dụng như phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet...
CLO2	S3	Sử dụng thành thạo các phần mềm của Microsoft Office, cụ thể để: soạn thảo văn bản trong Word; tính toán trong bảng tính Excel; biên soạn và trình chiếu các thuyết trình trong PowerPoint, khai thác các dịch vụ cơ bản trên Internet, một số phần mềm tiện ích, phần mềm văn phòng thông dụng một số sự cố thông thường về phần mềm khi gặp phải
CLO5	A3	Chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cho tập thể trong quá trình học tập, nghiên cứu và làm việc liên quan đến chuyên môn

9. HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật đại cương	Tên tiếng Anh: Fundamentals of Law
2. Mã học phần:	7GDC006
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	29
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Đặng Thúy Quỳnh và nhóm GV soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Triết học Mác- Lênin
- Học phần song hành:	Theo tiến trình của CTĐT

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, giảng dạy cho sinh viên các trường đại học không chuyên ngành luật. Học phần gồm các kiến thức khái quát chung về Nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hình sự; giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá, định hướng hành vi của mình và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật, như: nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm, chức năng, kiểu Nhà nước, hình thức Nhà nước; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặc điểm của pháp luật; khái niệm quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
CLO2	K3	Vận dụng được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình vào phân tích các vấn đề liên quan
CLO3	S3	Sử dụng thành thạo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vào từng tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn
CLO4	A3	Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong học tập, nghiên cứu và công tác liên quan đến học phần

10. HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ ANH 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 1	Tên tiếng Anh: General English 1
2. Mã học phần:	7GDC007
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	

- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Nguyễn Thu Hà Và nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Ngôn ngữ Anh 1 sinh viên lĩnh hội được các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cơ bản tương đương trình độ A1 theo Khung tham chiếu châu Âu tức Bậc 1 theo Khung năng lực Việt Nam.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, kí hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu trần thuật, và trong câu hỏi có - không.
CLO2	K3	Vận dụng triển khai những kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, ngữ pháp ... vào các chủ đề gần gũi quen thuộc như: bản thân, gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, nơi ở, đất nước, quốc tịch, các hoạt động thường ngày, hoạt động giải trí, v.v.
CLO3	S2	Thực hiện tốt ngữ pháp cơ bản như: cách sử dụng mạo từ (a/an), động từ tobe ở thì hiện tại đơn, đại từ chỉ định this, that, động từ khuyết thiếu can/ can't, động từ have/has, like +ving, thì hiện tại đơn và một số cấu trúc câu thông dụng, viết và trả lời lại được các tình huống cơ bản trong đời sống hằng ngày v.v.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu

11. HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ ANH 2

(General English 2)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 2	Tên tiếng Anh: General English 2
2. Mã học phần:	7GDC008
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc

6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Nguyễn Thu Hà ThS.Nhữ Kim Huế
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Ngôn ngữ Anh 1
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh cơ sở 2 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh cao hơn ở Bậc 1, làm nền tảng để tiếp tục nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh nhằm tiến tới đạt được trình độ tương đương A2 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), tức Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 (Khung năng lực) về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những câu và những cụm từ được sử dụng thường xuyên liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày, (ví dụ như những thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, nơi cư trú, học hành, công việc, v.v.)
CLO2	K3	Vận dụng những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp để thực hiện được những cuộc trò chuyện ngắn, đơn giản về những chủ điểm quen thuộc.
CLO3	S3	Thực hiện thành thạo giao tiếp đơn giản hàng ngày, trao đổi những thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường ở dạng nói và dạng viết, những từ ngữ đơn giản, dễ hiểu để mô tả về cuộc sống cá nhân, môi trường sống và làm việc thân thuộc cũng như có thể trao đổi về nhu cầu thiết yếu của cá nhân; có thể đưa ra các yêu cầu hay các chỉ dẫn ngắn gọn và bước đầu sử dụng phục vụ cho dịch tài liệu chuyên ngành công nghệ thông tin
CLO5	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu

12. HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ ANH 3

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 3	Tên tiếng Anh: General English 3
2. Mã học phần:	7GDC009
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS.Nguyễn Thu Hà ThS.Nhữ Kim Huệ
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Ngôn ngữ Anh 1 Ngôn ngữ Anh 2
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Ngôn ngữ Anh 3 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), tức Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 (Khung năng lực) về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản để nghe, nói, đọc, viết được những cuộc trò chuyện ngắn, đơn giản về những chủ điểm quen thuộc.
CLO2	S3	Thực hiện thành thạo giao tiếp đơn giản hàng ngày, trao đổi những thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường ở dạng nói và dạng viết để có thể mô tả về cuộc sống cá nhân, môi trường sống và làm việc thân thuộc, có thể đưa ra các yêu cầu hay các chỉ dẫn ngắn gọn và bước đầu phục vụ dịch tài liệu cho công tác chuyên môn về công nghệ thông tin
CLO3	A3	Chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm trong học tập và công tác sau này

13. HỌC PHẦN: DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dẫn luận ngôn ngữ.	Tên tiếng Anh: Language Interpret
2. Mã học phần:	7GDC041
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian: Học kỳ 1	
- Lý thuyết	15
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	15
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(02 giờ thi, 04 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Tạ Tiến Hùng Th.S Bùi Đăng Bình
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần lần lượt trình bày đối tượng, nhiệm vụ của ngôn ngữ, bản chất và chức năng của ngôn ngữ; tính hệ thống và quá trình hình thành, phát triển của ngôn ngữ; dẫn luận về ngữ âm học, từ vựng học và ngữ pháp học.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Phân tích được các nội dung cơ bản của đối tượng, nhiệm vụ của ngôn ngữ, bản chất và chức năng của ngôn ngữ; tính hệ thống và quá trình hình thành, phát triển của ngôn ngữ; dẫn luận về ngữ âm học, từ vựng học và ngữ pháp học.
CLO2	S3	Áp dụng được những vấn đề cơ bản đối tượng, nhiệm vụ của ngôn ngữ, bản chất và chức năng của ngôn ngữ; tính hệ thống và quá trình hình thành, phát triển của ngôn ngữ; dẫn luận về ngữ âm học, từ vựng học và ngữ pháp học để thuộc các lĩnh vực chuyên môn. Chủ động trong việc lựa chọn các nội dung đối tượng, nhiệm vụ của ngôn ngữ, bản chất và chức năng của ngôn ngữ; tính hệ thống và quá trình hình thành, phát triển của ngôn ngữ; dẫn luận về ngữ âm học, từ vựng học và ngữ pháp học.
CLO3	A3	Có thái độ đúng đắn và phê phán quan điểm sai trái về đối tượng, nhiệm vụ của ngôn ngữ, bản chất và chức năng của ngôn ngữ;

		tính hệ thống và quá trình hình thành, phát triển của ngôn ngữ; dẫn luận về ngữ âm học, từ vựng học và ngữ pháp học. Suy nghĩ độc lập chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, có dẫn chứng, minh họa, có lý giải, trong thảo luận nghiên cứu.
--	--	--

14. HỌC PHẦN : PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tên tiếng Anh: Research Methods
2. Mã học phần:	GDC021
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục chuyên nghiệp
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	10
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Trần Xuân Hồng PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Theo tiến trình đào tạo

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, hoạt động khoa học và công nghệ, nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học (như nghiên cứu tài liệu, phương pháp phi thực nghiệm, phương pháp thực nghiệm, phương pháp trắc nghiệm, hội nghị khoa học, xử lý thông tin khoa học, phân tích kết quả nghiên cứu...), trình bày luận điểm khoa học, luận văn khoa học. Hình thành Kỹ năng thao tác nghiên cứu khoa học, biết xây dựng luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Hình thành đạo đức khoa học trong sinh viên

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	- Phân tích được những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khoa học như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động khoa học và công nghệ (S&T Activity). - Giải thích được sự hình thành của lý thuyết khoa học, con đường hình thành của khoa học, logic phát triển của khoa học...từ đó chỉ ra được tương lai và triển vọng phát triển của các ngành khoa học. - Phân tích được cấu trúc logic, trình tự của một nghiên cứu khoa học. - Xác định và vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu khoa học.
CLO2	S3	- Nhận diện, phân loại và phân biệt được các loại hình khoa học, nghiên cứu khoa học, kết quả của nghiên cứu khoa học. - Thiết kế được một đề cương nghiên cứu khoa học. - Phát hiện được vấn đề nghiên cứu. - Xây dựng giả thuyết nghiên cứu. - Chứng minh giả thuyết nghiên cứu - Phân tích được cấu trúc logic của một nghiên cứu khoa học.
CLO3	A3	Đề xuất, tiến hành độc lập được một nghiên cứu khoa học. Trình bày được kết quả nghiên cứu khoa học.

15. HỌC PHẦN: TẬP VIẾT CHỮ HÁN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tập viết chữ Hán	Tên tiếng Anh: Practice writing Chinese characters
2. Mã học phần:	7NNT001
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Trần Thị Thanh Liêm ThS. Trần Hoài Thu

8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2, Tiếng Anh 1/Tiếng Nhật 1, Kỹ năng mềm, Triết học Mác-Lênin.

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần "Tập viết chữ Hán" là để giúp học viên nhanh chóng nắm vững chữ Hán, khắc phục những khó khăn lớn khi học tiếng Hán. Học phần còn yêu cầu học viên phải bắt đầu luyện tập từ những kiến thức cơ bản, đầu tiên yêu cầu học viên nắm vững cách viết chính xác các nét cơ bản của chữ Hán, những quy tắc cơ bản khi viết chữ Hán, và phân tích kết cấu của chữ Hán. Sau khi tiếp xúc với một số chữ Hán nhất định, học viên có sự hiểu biết ban đầu về kết cấu cơ bản của chữ Hán, sau đó mới phân biệt kết cấu chữ Hán giống nhau hoặc gần giống nhau, nhận ra một số quy luật của kết cấu thành chữ Hán. Phương pháp học phần này sử dụng chủ yếu là luyện viết theo phương pháp truyền thống của Trung Quốc, đó là phương pháp tô theo, mô phỏng viết theo, giúp các bạn nhớ với mặt chữ, thứ tự các nét, luyện viết chữ Hán tốt hơn.

10. Chuẩn đầu ra học phần,

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Triển khai và thực hiện việc viết chính xác các nét cơ bản của chữ Hán; tổ chức và xây dựng quy tắc viết chữ Hán; phân tích, chỉ ra và phát hiện đặc điểm kết cấu của chữ Hán; vận hành và điều khiển quá trình biểu diễn chữ Hán một cách chuẩn xác; đồng thời biết sửa đổi, thay đổi và chuẩn bị giải pháp để giải quyết các tình huống sai sót trong quá trình viết.
CLO2	S3	Chứng minh và sử dụng kỹ năng phân biệt các kết cấu chữ Hán giống nhau hoặc gần giống nhau; nhận ra và hoàn thành việc xác định một số quy luật cấu thành chữ Hán; kiểm soát và tinh chỉnh khả năng quen mặt chữ, nắm vững thứ tự các nét; hiệu chỉnh và luyện viết chữ Hán để đạt được kết quả tốt hơn.
CLO3	A3	Sinh viên có khả năng tranh luận và phê phán mang tính xây dựng; biết chia sẻ, đóng góp và đề xuất trong học tập, nghiên cứu; đồng thời nuôi dưỡng tinh thần cống hiến vì sự phát triển chung.

16. HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Tên học phần (tiếng Việt): Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tên tiếng Anh: Vietnam Culture Installation
2. Mã học phần:	7GDC020
3. Số tín chỉ: -	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian: Học kỳ 6	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	15
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(02 giờ thi, 04 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Lê Thế Tình ThS. Lương Thị Phương Thảo
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Cơ sở văn hóa Việt Nam nghiên cứu những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam như khái niệm, đặc điểm, tính chất,... Tiếp đó, học phần đi sâu vào nghiên cứu không gian văn hóa - các vùng văn hóa nhằm giúp sinh viên nắm được toàn cảnh về văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở nắm được bản chất, đặc trưng của văn hóa, sinh viên biết cách đánh giá, trân trọng các giá trị văn hóa để từ đó vận dụng, khai thác các hiện tượng văn hóa vào việc phát triển du lịch.

a. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Có khả năng giải thích và minh họa những nội dung cơ bản của văn hóa Việt Nam; so sánh, phân loại và diễn giải đặc điểm, tính chất của các vùng văn hóa; biết tổng hợp lại, suy đoán và phổ biến tri thức về văn hóa Việt Nam, đồng thời viết lại hoặc dịch thông tin liên quan để bảo vệ và làm rõ giá trị văn hóa dân tộc.
CLO2	K3	Có khả năng triển khai và thực hiện những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam như khái niệm, đặc điểm, tính chất; tổ chức, chỉ ra và giải quyết các nội dung liên quan đến không gian và vùng văn hóa; biết xây dựng, vận hành và điều khiển quá trình nghiên cứu trong chuyên môn, đồng thời chuẩn bị, dự báo và lựa chọn hướng tiếp cận phù hợp.

CLO3	S2	Xây dựng, thực hiện và triển khai việc phân tích các nội dung cơ bản của văn hóa Việt Nam; vận hành quá trình nghiên cứu để thu nhận tri thức, đồng thời tái sản xuất và phát triển các giá trị văn hóa trong học tập và chuyên môn.
CLO4	S3	Có khả năng chứng minh và hoàn thành việc trình bày về một điểm đến du lịch văn hóa; sử dụng và kiểm soát kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm; đồng thời biết hiệu chỉnh và tinh chỉnh phương pháp thể hiện để đạt được hiệu quả học tập và chuyên môn.
CLO5	A2	Có khả năng xem xét và làm rõ vai trò của văn hóa đối với phát triển du lịch; giải thích và trình bày hiểu biết nhằm dẫn chứng sự quý trọng đối với văn hóa Việt Nam; đồng thời chủ động tham gia thảo luận, đặt câu hỏi, viết và hợp tác để đóng góp, hỗ trợ và thực hiện việc tiếp cận các hiện tượng văn hóa một cách tích cực.

17. HỌC PHẦN: NGHIỆP VỤ VĂN PHÒNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Nghiệp vụ văn phòng	Tên tiếng Anh: Office Specialization
2. Mã học phần:	7GD042
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Trần Thị Thanh Liêm
	PGS.TS Nguyễn Đức Tồn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Các học phần Hán cơ sở Sơ-Trung cấp, Đọc hiểu Sơ-Trung cấp
- Học phần học trước:	Các học phần Hán cơ sở Sơ-Trung cấp, Đọc hiểu Sơ-Trung cấp
- Học phần song hành:	Nghe nói 2, Đọc viết 2, Lý thuyết dịch, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Dẫn luận ngôn ngữ

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Nghiệp vụ văn phòng.

Nội dung cụ thể gồm:

Học phần cung cấp cho người học các từ, cấu trúc câu và các kiến thức cơ bản về công ty, nghiệp vụ hành chính văn phòng. Bên cạnh đó, người học tiếp tục được nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng và được bổ sung thêm các kỹ năng giao tiếp trong nghiệp vụ hành chính văn phòng.

Học phần bao gồm 7 nội dung như sau:

1. Cơ cấu công ty
2. Tổ chức hợp
3. Trình bày ý kiến cá nhân, Thảo luận tình hình nghiệp vụ
4. Phỏng vấn tuyển dụng, Xin nghỉ
5. Bồi dưỡng nhân viên, Văn hoá doanh nghiệp
6. Các loại văn bản giấy tờ dùng trong công ty
7. Bố trí nhiệm vụ, Kế hoạch và báo cáo cuối năm

11. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐ NL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Triển khai và thực hiện việc tiếp thu kiến thức ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, viết và tra cứu; tổ chức và vận hành việc sử dụng những hiểu biết về công ty cùng nghiệp vụ hành chính văn phòng; phát hiện, chỉ ra và áp dụng các thuật ngữ chuyên dụng, đồng thời chuẩn bị, lựa chọn và giải quyết các tình huống thực tế trong môi trường văn phòng.
CLO2	S4	Có kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để có thể làm tốt nghiệp vụ nghiệp vụ hành chính văn phòng trong tương lai.
CLO3	A3	Chứng minh và hoàn thành kỹ năng đọc hiểu; sử dụng, kiểm soát và tinh chỉnh ngôn ngữ để đạt được hiệu quả trong thực hiện nghiệp vụ hành chính văn phòng trong tương lai.

18. HỌC PHẦN: LOGIC HỌC HÌNH THỨC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Logic học hình thức	Tên tiếng Anh: Logics
2. Mã học phần:	7GDC026
3. Số tín chỉ:	02 tín chỉ
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	20 giờ

- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	9 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	0 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	60 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Nguyễn Thái Sơn và nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Triết học Mác - Lênin
- Học phần song hành:	

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Logic học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Mệnh đề, các phép toán logic; hàm 2 mệnh đề; khái niệm và quan hệ giữa các khái niệm; các công thức, quy tắc suy luận; các phép suy luận, suy diễn; phương pháp chứng minh, bác bỏ và giả thuyết.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được về các hình thức của khái niệm, phán đoán và suy luận, các quy luật của tư duy, các quy tắc chứng minh và bác bỏ.
CLO2	S3	Sử dụng thuần thục được các hình thức của tư duy logic.
CLO3	A2	Thảo luận tích cực đóng góp ý kiến trong học tập và làm việc

19. HỌC PHẦN: TÂM LÝ ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tâm lý đại cương	Tên tiếng Anh: General Psychology
2. Mã học phần:	7GDC022
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	10
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Trần Xuân Hồng PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa ThS. Vũ Minh Phương

8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Công tác xã hội đại cương
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn...; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người; các đặc điểm, qui luật và cơ chế tâm lý của các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý con người; phân tích và chứng minh vai trò của các yếu tố cơ bản trong sự hình thành và phát triển nhân cách; dự báo các xu hướng, tiềm năng và tiền đồ phát triển của khoa học tâm lý trong thế kỷ XXI.

10.1. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Giải thích và minh họa các khái niệm cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học; so sánh, phân loại và diễn giải đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, chức năng và các hiện tượng tâm lý; biết viết lại, tổng hợp, suy đoán và dịch thông tin để phổ biến, đồng thời bảo vệ quan điểm khoa học trong nghiên cứu tâm lý.
CLO2	K3	Triển khai và tổ chức việc liên kết kiến thức nền tảng, cơ sở ngành và chuyên ngành tâm lý học; chỉ ra, xây dựng và thực hiện các ứng dụng kiến thức tâm lý trong thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp; đồng thời biết vận hành, điều khiển và giải quyết các tình huống thực tế, cũng như chuẩn bị và dự báo những thay đổi trong môi trường làm việc.
CLO3	S3	Xây dựng, thực hiện và triển khai các kỹ năng tâm lý để nhận diện và đánh giá tâm lý, tiến hành trắc nghiệm; vận hành các kỹ năng phân tích quan hệ xã hội, làm việc nhóm, giải quyết xung đột, giao tiếp và ra quyết định; đồng thời thu nhận và tái sản xuất tri thức nhằm nâng cao hiệu quả trong học tập và nghề nghiệp.
CLO4	S4	Có khả năng chứng minh và hoàn thành việc vận dụng các phương pháp luận khoa học và phương pháp tâm lý học; biết sử dụng, kiểm soát và tinh chỉnh các phương pháp này để đạt được hiệu quả trong học tập, nghiên cứu, thực hành và trong các lĩnh vực của cuộc sống.
CLO5	A3	Lắng nghe, thấu hiểu và tiếp nhận thể giới quan khoa học; thể hiện nhận định đúng đắn để lựa chọn lối sống lành mạnh, trung

		thực; đồng thời quan tâm, tham dự và thừa nhận trách nhiệm phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.
CLO6	A3	Xem xét, làm rõ và trình bày các quy tắc đạo đức; thực hiện, tuân theo và tham gia xây dựng lối sống lành mạnh; đồng thời hợp tác, thảo luận và đóng góp trong học tập, nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.

20. HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	Tên tiếng Anh: Chinese A1
2. Mã học phần:	7NNT002
3. Số tín chỉ:	04
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	40
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đào Anh Tiến GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung môn học chủ yếu hướng dẫn cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Trung những kiến thức cơ bản về chữ Hán, cách phát âm, hệ thống phiên âm, ngữ âm, ngữ điệu, đồng thời cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc câu, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đàm thoại ở mức độ sơ cấp. Thông qua môn học, sinh viên có thể nắm vững được các quy tắc về phát âm, vận dụng tốt các câu nói cơ bản trong cuộc sống hàng ngày; sử dụng thuần thục những từ ngữ, mẫu câu và ngữ pháp đơn giản để có thể giao tiếp suôn sẻ; phát âm chính xác, nghe hiểu các đoạn hội thoại đơn giản và có khả năng giao tiếp lưu loát những câu đàm thoại cơ bản trong cuộc sống hàng ngày. Mỗi bài bao gồm sáu phần: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập. Giáo viên hướng dẫn sinh viên hiểu rõ nghĩa và phát âm chính xác các từ mới và nắm vững các điểm ngữ pháp chính, chú thích, các mẫu câu đàm thoại, đoạn văn trong bài khóa. Sau khi hoàn thành

xong phần từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài khóa, Giáo viên cho sinh viên làm bài tập theo giờ quy định, sau đó chỉnh sửa và cuối cùng cho sinh viên thực hành đàm thoại, đọc lưu loát nội dung bài khóa, bài đọc thêm; đồng thời Giáo viên đặt các câu hỏi có liên quan đến bài học cho sinh viên trả lời. Tại Trường Đại học Đông Đô Môn học Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1 là học phần bắt buộc với thời lượng 4 tín chỉ.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Triển khai, tổ chức và thực hiện việc lĩnh hội các kiến thức cơ bản về chữ Hán, cách phát âm, hệ thống phiên âm, ngữ âm, ngữ điệu; chỉ ra và xây dựng vốn từ vựng, cấu trúc câu; đồng thời vận hành và rèn luyện kỹ năng đàm thoại ở mức độ sơ cấp, chuẩn bị và phát hiện, giải quyết khó khăn trong giao tiếp.
CLO2	S3	Khả năng chứng minh và hoàn thành việc nhận diện, mô phỏng các chữ Hán và từ ngữ cơ bản dùng trong giao tiếp hằng ngày; biết sử dụng, kiểm soát và tinh chỉnh kỹ năng trình bày, đáp lại để đạt được hiệu quả trong các tình huống giao tiếp thông dụng.
CLO3	A3	Có khả năng khởi sự, chia sẻ và đóng góp trong làm việc nhóm cũng như làm việc độc lập; biết tranh luận, chứng minh, biện minh và thuyết phục trong quá trình hợp tác; thể hiện tinh thần phê phán và đề xuất ý tưởng sáng tạo; đồng thời cống hiến trách nhiệm cá nhân, tuân thủ kỷ luật, tôn trọng môi trường học tập và linh hoạt thích ứng trong mọi điều kiện.

21. HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	Tên tiếng Anh: Chinese A2
2. Mã học phần:	7NNT003
3. Số tín chỉ:	04
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	45
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	120
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đào Anh Tiến GV nhóm biên soạn

8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1
- Học phần học trước:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1
- Học phần song hành:	Kỹ năng mềm, Tập viết chữ Hán, Triết học Mác-Lênin, Tiếng Anh 1/Tiếng Nhật 1

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chi tiết học phần: tổng cộng học 15 buổi, 4 tiết / buổi. Mỗi bài bao gồm các phần: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập. Giáo viên hướng dẫn sinh viên hiểu rõ nghĩa và phát âm chính xác các từ mới và nắm vững các điểm ngữ pháp chính, chú thích, các mẫu câu đàm thoại, đoạn văn trong bài khóa. Sau khi hoàn thành xong phần từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài khóa, giáo viên cho sinh viên làm bài tập theo giờ quy định, sau đó chỉnh sửa và cuối cùng cho sinh viên thực hành đàm thoại, đọc lưu loát nội dung bài khóa, bài đọc thêm; đồng thời giáo viên đặt các câu hỏi có liên quan đến bài học cho sinh viên trả lời.

11. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Áp dụng và thực hiện được các thông tin đơn giản trong giao tiếp hằng ngày, đạt trình độ sơ cấp (tương đương chuẩn ngoại ngữ A2 hoặc HSK cấp 2); có khả năng đọc hiểu các thông tin quen thuộc như nội dung in trên sản phẩm, biển báo, chỉ dẫn, cũng như các báo cáo về những chủ đề gần gũi.
CLO2	S3	Sinh viên có khả năng chứng minh và hoàn thành việc nhận diện, mô phỏng các chữ Hán và từ ngữ cơ bản dùng trong giao tiếp hằng ngày; biết sử dụng, kiểm soát và tinh chỉnh kỹ năng trình bày, đáp lại theo yêu cầu giao tiếp thông dụng; đồng thời vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học để viết lại, thực hiện các tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống, học tập và công việc cơ bản nhất.
CLO3	A3	Sinh viên có khả năng khởi xướng, chia sẻ và đóng góp trong công việc độc lập cũng như làm việc nhóm; biết tranh luận, chứng minh, biện minh và thuyết phục trong quá trình hợp tác; thể hiện tư duy phê phán, đề xuất giải pháp và công nhận trách nhiệm cá nhân; đồng thời tuân thủ kỷ luật, tôn trọng môi trường học tập, linh hoạt, tự tin và sáng tạo trong mọi điều kiện.

22. HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 3

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	Tên tiếng Anh: Chinese A3
2. Mã học phần:	7NNT004
3. Số tín chỉ:	04
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cở sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	45
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	120
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đào Anh Tiến GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, 2
- Học phần học trước:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2
- Học phần song hành:	Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Đọc viết 1, Nghe nói 1. Tiếng Anh 2/Tiếng Nhật 2

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chi tiết học phần: tổng cộng học 15 buổi, 4 tiết / buổi. Mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ pháp, bài tập. Học phần rèn luyện kỹ năng tổng hợp nghe, nói, đọc, viết. Giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4.

Thông qua học phần, sinh viên có thể nắm được những kỹ năng cơ bản về dịch thuật và từ vựng trong quá trình học; dịch được những câu, đoạn văn cơ bản (từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại); phân tích và đánh giá được những câu văn, đoạn văn đã dịch sẵn; áp dụng những kỹ năng và vốn từ đã học vào bài tập cụ thể và thực tiễn cuộc sống.

11. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Ứng dụng ngữ pháp phát triển trên nền tảng ngữ pháp cơ bản để diễn đạt theo tình huống, ghi nhớ, đọc hiểu được khoảng 400 từ vựng trình độ sơ - trung cấp . chủ đề trong đời sống xã hội. Sinh

		viên đạt được trình độ trình độ sơ – trung cấp: Đọc hiểu, ghi nhớ, viết lại được những từ ngữ và các câu đơn giản trong bài. Kể lại tóm tắt nội dung bài khóa, hiểu và vận dụng được những điểm ngữ pháp trong chương trình.
CLO2	S3	Giúp sinh viên vận dụng được từ vựng và ngữ pháp đã học để mô phỏng, viết lại, thực hiện giao tiếp đơn giản liên quan các chủ điểm đời sống, học tập, công việc thông dụng. Trả lời trình bày đúng các dạng bài tập.
CLO3	A3	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm cá nhân trong các hoạt động làm việc nhóm, thể hiện ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng môi trường học tập, nội qui của nhà trường, qui định của giảng viên. Linh hoạt, tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm. Chăm chỉ tự học theo nhóm hoặc cá nhân

23. HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 4

1. Tên học phần (tiếng Việt):	
Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	Tên tiếng Anh: Chinese A4
2. Mã học phần:	7NNT005
3. Số tín chỉ:	04
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	45
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	120
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang
	ThS. Đào Anh Tiên
	GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1,2,3
- Học phần học trước:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3
- Học phần song hành:	Nghe nói 1, Đọc viết 1, Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Tiếng Anh 2/ Tiếng Nhật 2

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chi tiết học phần: tổng cộng học 15 buổi, 4 tiết / buổi. Trọng tâm dạy học của học phần Tiếng Trung tổng hợp 4 là phần bài khóa. Giảng viên thông

qua bài khoá giúp sinh viên lĩnh hội được các kết cấu ngữ pháp và ý nghĩa của nó trong tiếng Trung Quốc. Toàn bộ nội dung ngữ pháp nhằm giúp sinh viên hiểu và nắm vững nội dung bài khoá. Nhiệm vụ dạy học phần ngữ pháp chủ yếu bao gồm: (1) Giúp sinh viên nắm vững được hình thức kết cấu của những trọng điểm ngữ pháp; (2) Sinh viên hiểu và nắm vững ý nghĩa và cách dùng của những hình thức ngữ pháp này. Học phần này trọng điểm ngữ pháp chủ yếu là: Câu chữ 被, câu tồn hiện, câu chữ 把, bỏ ngữ xu hướng phức, bỏ ngữ khả năng, bỏ ngữ trạng thái, danh từ lặp lại, số lượng từ lặp lại, trợ từ 着, câu phức Nắm vững các thành phần cơ bản của câu trong tiếng Hán, như chủ ngữ, vị ngữ, tân ngữ, định ngữ, trạng ngữ, bỏ ngữ, v.v... đồng thời nắm vững trật tự cơ bản của các thành phần câu trong câu. Học phần này cung cấp hệ thống bài tập phong phú, nhiều thể loại khác nhau như: ngữ âm, thay thế, chọn từ điền trống, đặt câu theo mẫu, hoàn thành hội thoại, hoàn thành câu, trả lời câu hỏi theo tình hình thực tế, sửa câu sai, hội thoại giao tiếp, đọc hiểu, viết chữ Hán, điền từ tổng hợp.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Nắm vững các thành phần cơ bản của câu trong tiếng Hán, đồng thời nắm vững trật tự cơ bản của các thành phần câu. Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và kết cấu câu (yêu cầu đạt trên 95%), hình thành khả năng giao tiếp bằng tiếng Hán, đồng thời viết được và biểu đạt được những ý nghĩa tương đối hoàn chỉnh một cách chính xác. Nắm vững được vốn từ đã học, đạt 90% trở lên. Lượng từ vựng nắm vững là 1200 từ, có thể viết được những bài văn ứng dụng theo chủ đề đơn giản trong cuộc sống.
CLO2	S4	Kĩ năng nghe: nghe hiểu tài liệu ngôn ngữ với lượng từ mới không vượt quá 2%, hiện tượng ngữ pháp cơ bản không vượt quá 1%. Kĩ năng nói: Có thể biểu đạt mong muốn, nguyện vọng, ý kiến của mình trong giao tiếp hàng ngày hoặc theo chủ đề, có thể tiến hành tường thuật thành đoạn một cách lưu loát và biểu đạt tương đối hoàn chỉnh một bài văn có sự chuẩn bị trước. Kĩ năng đọc hiểu: nắm vững kĩ năng đọc hiểu, đọc hiểu tài liệu ngôn ngữ với lượng từ mới và hiện tượng ngữ pháp với không quá 2%. Kĩ năng viết: nắm vững cách sử dụng từ vựng.
CLO3	A4	Tôn trọng và yêu quý bạn bè, trường lớp, yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá. Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần. Rèn luyện thói quen, kỹ năng tự

	học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển, mở rộng kiến thức của bản thân.
--	---

24. HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 5

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	Tên tiếng Anh: Chinese A5
2. Mã học phần:	7NNT006
3. Số tín chỉ:	04
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	45
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	120
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đào Anh Tiến GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1,2,3,4
- Học phần học trước:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4
- Học phần song hành:	Tin học đại cương, Pháp luật đại cương,
	Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tiếng Anh 3/Tiếng Nhật 3

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Trọng tâm dạy học của học phần Tiếng Trung tổng hợp 5 là phần bài khoá. Giảng viên thông qua bài khoá giúp sinh viên lĩnh hội được các kết cấu ngữ pháp và ý nghĩa của nó trong tiếng Trung Quốc. Toàn bộ nội dung ngữ pháp nhằm giúp sinh viên hiểu và nắm vững nội dung bài khoá. Nhiệm vụ dạy học phần ngữ pháp chủ yếu bao gồm: (1) Giúp sinh viên nắm vững được hình thức kết cấu của những trọng điểm ngữ pháp, nắm được kỹ năng tự thuật chuyện; (2) Sinh viên hiểu và nắm vững ý nghĩa và cách dùng của những hình thức ngữ pháp này. Học phần này

trọng điểm ngữ pháp chủ yếu là bổ ngữ xu hướng phức, bổ ngữ khả năng, bổ ngữ trạng thái, danh từ lặp lại, số lượng từ lặp lại, câu phức, so sánh các từ cận nghĩa, ... Học phần này cung cấp hệ thống bài tập phong phú, nhiều thể loại khác nhau như: ngữ âm, thay thế, chọn từ điền trống, đặt câu theo mẫu, hoàn thành hội thoại, hoàn thành câu, trả lời câu hỏi theo tình hình thực tế, sửa câu sai, hội thoại giao tiếp, đọc hiểu, viết chữ Hán, điền từ tổng hợp.

10. Nội dung chuẩn đầu ra

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1 K	K4	Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và kết cấu câu (yêu cầu đạt trên 95%), hình thành khả năng giao tiếp bằng tiếng Hán thông qua bài đàm thoại và bài đọc, có thể sử dụng từ ngữ và mẫu câu được học cùng các kiến thức văn hoá để tiến hành hội thoại thông thường trong cuộc sống, đồng thời viết được và biểu đạt được những ý nghĩa tương đối hoàn chỉnh, phức tạp một cách chính xác. Nắm vững được vốn từ đã học, đạt 90% trở lên. Cuối giai đoạn của học phần này, sinh viên phải nắm chắc toàn diện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, hình thành khả năng biểu đạt thành đoạn văn, bài văn một cách chính xác và hiệu quả. Bước đầu có thể dịch trôi chảy được các bài văn, đoạn văn chủ đề đơn giản như các cuộc hội thoại, các câu chuyện ngắn trong cuộc sống.
CLO2	S4	nghe hiểu tài liệu ngôn ngữ với lượng từ mới không vượt quá 4%, hiện tượng ngữ pháp cơ bản không vượt quá 3%. Có thể biểu đạt mong muốn, nguyện vọng, ý kiến của mình trong giao tiếp hàng ngày hoặc theo chủ đề, có thể tiến hành biểu đạt tương đối hoàn chỉnh với những chủ đề nghị luận xã hội; nắm vững kĩ năng đọc hiểu, đọc hiểu tài liệu ngôn ngữ với lượng từ mới và hiện tượng ngữ pháp với không quá 5%. Kĩ năng viết: Lượng từ vựng nắm được là 2500 từ, có thể viết được những bài văn nghị luận xã
S	S4	hội. Có khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc ở cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong giao tiếp và trong các tình huống đặc thù khác. Các kỹ năng khác: Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng phân tích và tự đánh giá... Giao tiếp hội thoại xoay quanh các chủ đề về cuộc sống sinh hoạt, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, y học, giao tiếp ứng xử, giao lưu tình cảm,... Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
CLO3 A	A4	Tôn trọng và yêu quý bạn bè, trường lớp, yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn

		hoá. Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần. Rèn luyện thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển, mở rộng kiến thức của bản thân.
--	--	---

25. HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 6

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	Tên tiếng Anh: Chinese A6
2. Mã học phần:	7NNT007
3. Số tín chỉ:	04
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cở sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	45
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	120
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Lê Xuân Trang GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1,2,3,4,5
- Học phần học trước:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5
- Học phần song hành:	Tin học đại cương, Pháp luật đại cương, Chủ nghĩa xã hội

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ pháp, bài tập. Học phần rèn luyện kỹ năng tổng hợp nghe, nói, đọc, viết. Giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học. Đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt. Ngoài những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có thể đạt được vốn từ vựng khoảng 3500 từ. Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó. Nội dung bài giảng bao gồm các phần: Từ vựng: Giải thích từ ngữ, từ chuyên môn, thành ngữ, tục ngữ và các ngữ cố định, mở rộng từ. Từ pháp: Giảng dạy cách sử dụng từ ngữ, phân biệt cách dùng của những từ cận nghĩa. Người dạy đưa ra các câu tiếng Việt yêu cầu sinh viên dịch sang tiếng Hoa. Sinh viên cũng có thể tự đặt câu. Bài khóa: Sinh viên đọc dịch bài khóa sang Tiếng Việt. Nội dung các bài khóa phản ánh

cuộc sống xã hội đương đại Trung Quốc được chắt lọc từ báo chí, internet. Người dạy hướng dẫn sinh viên dịch những đoạn văn khó một cách lưu loát, phù hợp với văn phong tiếng Việt. Bài tập: Đọc, dịch các đoạn văn ngắn. Thực hành dịch xuôi, dịch ngược. Yêu cầu sinh viên dịch các mẫu câu dài, phức tạp từ tiếng Hoa sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Hoa.

10. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và kết cấu câu (yêu cầu đạt trên 95%), hình thành khả năng giao tiếp bằng tiếng Hán thông qua bài đàm thoại và bài đọc, có thể sử dụng từ ngữ và mẫu câu được học cùng các kiến thức văn hoá để tiến hành hội thoại thông thường trong cuộc sống, đồng thời viết được và biểu đạt được những ý nghĩa hoàn chỉnh, phức tạp một cách chính xác. Nắm vững được vốn từ đã học, đạt 90% trở lên. Cuối giai đoạn của học phần này, sinh viên phải hoàn toàn nắm chắc các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, biết vận dụng các cấu trúc ngữ pháp phức tạp, để biểu đạt thành đoạn văn, bài văn một cách chính xác và hiệu quả. Dịch được các bài văn, đoạn văn phức tạp hơn.
CLO2	S4	Nghe hiểu tài liệu ngôn ngữ với lượng từ mới không vượt quá 5%, hiện tượng ngữ pháp cơ bản không vượt quá 4%. Có thể biểu đạt mong muốn, nguyện vọng, ý kiến của mình trong giao tiếp hàng ngày hoặc theo chủ đề, có thể tiến hành tường thuật thành đoạn một cách lưu loát và biểu đạt tương đối hoàn chỉnh với những chủ đề nghị luận xã hội. Nắm vững kỹ năng đọc hiểu, đọc hiểu tài liệu ngôn ngữ với lượng từ mới và hiện tượng ngữ pháp với không quá 5%. Lượng từ vựng nắm được là 3500 từ, có thể viết được những bài văn nghị luận xã hội. Kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc: Có khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc ở cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong giao tiếp và trong các tình huống đặc thù khác. Có kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng phân tích và tự đánh giá...Giao tiếp hội thoại xoay quanh các chủ đề về cuộc sống sinh hoạt, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, y học, giao tiếp ứng xử, giao lưu tình cảm,... Biết tư duy, phân tích và phát triển mở rộng những kiến thức đã học.
CLO3	A4	Tôn trọng và yêu quý nhau, yêu quý giáo viên. Yêu thương, tôn trọng mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá. Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động

		xã hội phù hợp với khả năng. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần. Rèn luyện thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
--	--	--

26. HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC NGHE NÓI 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung Quốc Nghe nói 1	Tên tiếng Anh: Chinese Listening and Speaking 1
2. Mã học phần:	7NNT008
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đinh Thuý Lan GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, 2
- Học phần học trước:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2
- Học phần song hành:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3, Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4, Đọc viết 1; Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Tiếng Anh 2/ Tiếng Nhật 2

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Luyện tập cách phát âm, nghe hiểu và rèn luyện khẩu ngữ, phân biệt các phiên âm của tiếng Trung Quốc. Cung cấp từ vựng, các cấu trúc câu đơn giản và cơ bản nhằm đáp ứng những yêu cầu cụ thể về bản thân và những người khác, có thể nghe hiểu và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu.

Các dạng luyện tập chính: 1. Hình thức luyện tập bộ phận ngữ âm: Luyện tập phụ âm nguyên âm, luyện tập thanh điệu, luyện tập ngữ âm ngữ điệu...; 2. Hình thức luyện tập nghe hiểu: Nghe xong trả lời câu hỏi, nghe xong chọn đáp án đúng, nghe xong đặt câu hỏi theo trọng âm của câu, nghe câu và đặt câu hỏi nhanh, nghe xong điền trống, nghe xong thuật lại, nghe và đoán...

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Nắm vững phần phiên âm Latinh, nghe phân biệt được tất cả các nguyên âm, phụ âm, thanh điệu, ngữ điệu. Nghe và đọc đúng ngữ âm những từ đã học trong chương trình. Nắm được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Trung Quốc, về văn hóa – xã hội Trung Quốc, hình thành khả năng giao tiếp bằng tiếng Hán thông qua bài đàm thoại và bài đọc.
CLO2	S3	Có thể sử dụng từ ngữ và mẫu câu được học cùng các kiến thức văn hoá đơn giản để tiến hành hội thoại thông thường trong cuộc sống, đồng thời viết được và biểu đạt được những ý nghĩa tương đối hoàn chỉnh một cách chính xác.
CLO3	A3	Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển, mở rộng kiến thức của bản thân. Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trao đổi kỹ năng học nhóm, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra. Tích cực tham gia những bài tập trên lớp, bài tập về nhà và bài tập nhóm.

27. HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC NGHE NÓI 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung Quốc Nghe nói 2	Tên tiếng Anh: Chinese Listening and Speaking 2
2. Mã học phần:	7NNT009
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đinh Thuý Lan GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Nghe nói 1
- Học phần học trước:	Nghe nói 1
- Học phần song hành:	Đọc viết 2, Lý thuyết dịch, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Dẫn luận ngôn ngữ.

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Thông qua thực hành nghe các mẫu đối thoại, các đoạn văn ngắn sinh viên có thể nghe hiểu và nói các chủ đề thông dụng, gần gũi với đời sống thường nhật của mình như : Sở thích, thói quen, cảm xúc ...Giúp sinh viên tập làm quen với ngoại ngữ thông qua kỹ năng nghe nhằm trau dồi thêm kiến thức về văn hóa nước ngoài để sinh viên có thể sử dụng tiếng Trung thành thạo trong giao tiếp xã hội và chuyên môn.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	học được những kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu ở trình độ sơ cấp, được thiết kế theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống đời thường như: Du lịch, sửa chữa đồ đạc, giải trí, học tập, gia đình, các vấn đề xã hội, thời tiết, kế hoạch làm việc, nội dung làm việc v.v... Thông qua các đoạn hội thoại giao tiếp, đoạn văn, bài văn, sinh viên nắm bắt được các kiến thức về đời sống xã hội, sinh hoạt thường ngày của người Trung Quốc, Việt Nam...
CLO2	S3	Sinh viên có kỹ năng nghe hiểu, nói lưu loát, trôi chảy, nội dung câu, hội thoại, đoạn văn, bài văn xoay quanh các chủ đề đời sống thường nhật ở trình độ Sơ-trung cấp. Rèn luyện và phát triển khả năng nghe bằng ngôn ngữ tiếng Trung, biết cách vận dụng chúng vào trong các cuộc đối thoại hằng ngày một cách tự nhiên và sinh động.
CLO3	A3	Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển, mở rộng kiến thức của bản thân. Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trao đổi kỹ năng học nhóm, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra. Tích cực tham gia những bài tập trên lớp, bài tập về nhà và bài tập nhóm.

28. HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC NGHE NÓI 3

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung Quốc Nghe nói 3	Tên tiếng Anh: Chinese Listening and Speaking 3
2. Mã học phần:	7NNT010
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	

- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đinh Thuý Lan GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Nghe nói 1, 2
- Học phần học trước:	Nghe nói 1, 2
- Học phần song hành:	Đọc viết 3, Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, Ngữ âm văn tự tiếng Hán, Dịch nói 1, Dịch viết 1

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Trọng tâm dạy học của học phần Tiếng Trung Quốc Nghe nói 3 là ngoài các phần luyện tập ngữ âm ngữ điệu, luyện tập nghe hiểu thì giáo trình tăng thêm một số dạng đề chủ quan giống như các dạng bài tập chức năng: dựa vào trọng âm câu để đặt câu hỏi; nghe xong chọn đáp án thích hợp; nghe xong câu đặt câu hỏi nhanh; vừa nghe vừa điền vào bảng biểu và tiến hành hội thoại. Giảng viên thông qua bài giảng giúp sinh viên lĩnh hội được các kết cấu ngữ pháp và ý nghĩa của nó trong tiếng Trung Quốc. Đặc biệt giáo trình này dựa trên cơ sở luyện tập ngữ đoạn và ngữ nghĩa để hiểu thêm về cách dùng từ mang đặc trưng văn hóa Trung Quốc.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
		Học được những kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu ở trình độ trung cấp, được thiết kế theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống đời thường như: Du lịch, sửa chữa đồ đạc, giải trí, học tập, gia đình, các vấn đề xã hội, thời tiết, kế hoạch làm việc, nội dung làm việc v.v.. Thông qua các đoạn hội thoại giao tiếp, đoạn văn, bài văn, nắm bắt được các kiến thức về đời sống xã hội, sinh hoạt thường ngày của người Trung Quốc, Việt Nam...
CLO1	K4	
CLO2	S4	Có kỹ năng nghe hiểu, nói lưu loát, trôi chảy, nội dung câu, hội thoại, đoạn văn, bài văn xoay quanh các chủ đề đời sống thường nhật ở trình độ trung cấp. Sinh viên từng bước phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua việc mô phỏng các nội dung bài hội thoại, đoạn văn, bài văn, bài thuyết trình.

CLO3	A4	Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển, mở rộng kiến thức của bản thân. Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trao đổi kỹ năng học nhóm, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra. Tích cực tham gia những bài tập trên lớp, bài tập về nhà và bài tập nhóm
------	----	--

29. HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG QUỐC NGHE NÓI 4

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung Quốc Nghe nói 4	Tên tiếng Anh: Chinese Listening and Speaking 4
2. Mã học phần:	7NNT011
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đinh Thuý Lan GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Nghe nói 1, 2, 3
- Học phần học trước:	Nghe nói 1, 2, 3
- Học phần song hành:	Độc viết 4, Dịch nói 2, Dịch viết 2, Môn tự chọn (Thuyết minh du lịch Hà nội, Văn học Trung Quốc, Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán, Khẩu ngữ tiếng Trung 1, Khẩu ngữ tiếng Trung 2, Tiếng Trung báo chí)

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần xoay quanh các chủ đề đời sống hàng ngày như: Du lịch, sửa chữa đồ đạc, giải trí, học tập, gia đình, các vấn đề xã hội, thời tiết, kế hoạch, việc làm v.v.... Học phần thiết kế từ vựng và chủ điểm ngữ pháp ở trình độ trung cấp. Phần luyện tập được thiết kế các nội dung từ dễ đến khó, bao gồm: Nghe nói cụm từ, nghe nói câu, nghe nói đoạn văn, bài văn, bài thuyết trình. Thông qua học phần, sinh viên được tiếp cận với các nội dung giao tiếp gần gũi với thực tế cuộc sống.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Học được những kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu ở trình độ trung cấp, được thiết kế theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống đời thường như: Du lịch, sửa chữa đồ đạc, giải trí, học tập, gia đình, các vấn đề xã hội, thời tiết, kế hoạch làm việc, nội dung làm việc v.v..Thông qua các đoạn hội thoại giao tiếp, đoạn văn, bài văn, nắm bắt được các kiến thức về đời sống xã hội, sinh hoạt thường ngày của người Trung Quốc, Việt Nam...
CLO2	S4	Có kỹ năng nghe hiểu, nói lưu loát, trôi chảy, nội dung câu, hội thoại, đoạn văn, bài văn xoay quanh các chủ đề đời sống thường nhật ở trình độ trung cấp. Sinh viên từng bước phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua việc mô phỏng các nội dung bài hội thoại, đoạn văn, bài văn, bài thuyết trình.
CLO3	A4	Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển, mở rộng kiến thức của bản thân. Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trao đổi kỹ năng học nhóm, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra. Tích cực tham gia những bài tập trên lớp, bài tập về nhà và bài tập nhóm

30. HỌC PHẦN ĐỌC VIẾT 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): Đọc viết 1	Tên tiếng Anh: Reading and Writing 1
2. Mã học phần:	7NNT012
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	

- Lý thuyết	21
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	8
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Lê Xuân Trang GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng trung Quốc tổng hợp 1, 2
- Học phần học trước:	Tiếng trung Quốc tổng hợp 2
- Học phần song hành:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3, Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4, Nghe nói 1, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Tiếng Anh 2/ Tiếng Nhật 2

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Tiếng Trung du lịch.

Nội dung cụ thể gồm:

Học phần này gồm 7 bài với các chủ điểm khác nhau, như: văn hoá, du lịch, cuộc sống gia đình, khoa học giáo dục, nghệ thuật, giải trí.... Ở các bài ban đầu, để sinh viên làm quen với môn Đọc Viết nên bài khoá tương đối ngắn, độ khó và dài của bài khoá sẽ tăng lên trong các bài tiếp theo. Đối với học phần này, yêu cầu tất cả các bài khoá đều chỉ được đọc trên lớp, trước khi lên lớp và khi đọc bài khoá sinh viên không được sử dụng từ điển, như vậy mới nâng cao được kỹ năng đọc của sinh viên.

11. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
		Sinh viên nắm vững các kỹ năng đọc hiểu; từng bước trau dồi khả năng đọc hiểu độc lập. Giáo trình này cung cấp cho người học vốn từ vựng đa dạng, phù hợp trình độ; các bài đọc có nội dung phong phú thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như: văn hoá, du lịch, cuộc sống gia đình, khoa học giáo dục, nghệ thuật, giải trí...; Thông qua những bài đọc này, sinh viên bên cạnh việc nắm bắt được những kiến thức kỹ năng ngôn ngữ cần thiết, còn có thể mở rộng thêm sự hiểu biết của mình về đất nước và con người Trung Quốc ở nhiều khía cạnh khác nhau. Học phần cũng sẽ giúp sinh viên củng cố và nắm chắc hơn các cấu trúc ngữ pháp cũng như ý nghĩa của một số từ ngữ khó trong từng ngữ cảnh cụ thể..
CLO1	K3	

CLO2	S3	Thực hiện nhanh chóng, chính xác các kỹ năng đọc hiểu văn bản thông dụng. Trình bày được các thông tin đơn giản, văn bản đơn giản, thông dụng về các lĩnh vực quen thuộc.
CLO3	A3	Thực hiện nhanh chóng, chính xác các kỹ năng đọc hiểu văn bản thông dụng. Trình bày được các thông tin đơn giản, văn bản đơn giản, thông dụng về các lĩnh vực quen thuộc.

31. HỌC PHẦN ĐỌC VIẾT 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Đọc viết 2	Tên tiếng Anh: Reading and Writing 2
2. Mã học phần:	7NNT013
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	21
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	8
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Nguyễn Mạnh Tiến GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Đọc viết 1
- Học phần học trước:	Đọc viết 1
- Học phần song hành:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3, Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4, Nghe nói 1, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Tiếng Anh 2/ Tiếng Nhật 2

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Tiếng Trung du lịch.

Nội dung cụ thể gồm:

Học phần này gồm 7 bài tiếp theo với các chủ điểm khác nhau, như: Đời sống xã hội, kinh tế, văn hóa Trung Quốc, môi trường, giao tiếp, nghệ thuật, thiên nhiên.... mỗi bài đều có 5 bài khóa nhỏ, yêu cầu tất cả các bài khóa đều được đọc ở trên lớp, sinh viên cần chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

10. Nội dung chuẩn đầu ra

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Giúp sinh viên làm quen và phát triển kỹ năng viết độc lập, sáng tạo và logic qua việc quan sát sự việc hoặc hình ảnh. Học phần này trọng tâm nghiêng về kỹ năng viết nên sinh viên luyện viết trên lớp và sẽ được các bạn, giảng viên đóng góp ý kiến để bài viết của mình hoàn chỉnh hơn
CLO2	S3	Thực hiện nhanh chóng, chính xác các kỹ năng đọc hiểu văn bản thông dụng, ... Trình bày được các thông tin đơn giản, văn bản đơn giản, thông dụng về các lĩnh vực quen thuộc.
CLO3	A3	Thể hiện ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng môi trường học tập, nội quy của nhà trường, quy định của giảng viên. Linh hoạt, tích cực làm việc trong mọi điều kiện.

32. HỌC PHẦN ĐỌC VIẾT 3

1. Tên học phần (tiếng Việt): Đọc viết 3	Tên tiếng Anh: Reading and Writing 3
2. Mã học phần:	7NNT014
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Nguyễn Mạnh Tiến
	GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Đọc Viết 1, 2,
- Học phần học trước:	Đọc viết 2
- Học phần song hành:	Nghe nói 3, Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, Ngữ âm văn tự tiếng Hán, Dịch nói 1, Dịch viết 1

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần Kỹ năng Đọc Viết 3 gồm 10 bài trong Giáo trình Đọc – Viết trung cấp – Bộ Phát triển Hán ngữ. Nội dung tổng hợp nhiều lĩnh vực từ văn hóa, giáo

dục, kinh tế, công nghệ đến lịch sử và xã hội, giúp người học có cái nhìn đa chiều và mở rộng vốn từ vựng tiếng Trung từ đó nâng cao kỹ năng Đọc và viết văn bản. Học phần Đọc Viết 3 giới thiệu có hệ thống các kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc có chọn lọc, đọc tra cứu, cách đoán ý nghĩa từ (chữ) mới, cách lí giải ý nghĩa của câu văn. Viết được một đoạn văn, một bài văn với chủ đề cho trước. Mỗi bài được thiết kế với hệ thống những đoạn văn, bài văn cùng bài tập đi kèm theo từng kỹ năng cần rèn luyện để người học có thể nâng cao kỹ năng đọc và viết văn bản. Ngoài ra học phần còn cung cấp đề mô phỏng HSK4 để sinh viên làm quen với dạng đề đọc của kỳ thi HSK.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Sinh viên đọc hiểu và viết được nội dung giao tiếp trong đoạn văn dài, đoạn văn dài về các chủ đề khác nhau. Nắm vững các kết cấu ngữ pháp trọng điểm trong bài. Nắm vững các từ vựng với các chủ đề Đọc và Viết khác nhau.
CLO2	S4	Củng cố kỹ năng đọc và viết của sinh viên, phát triển kỹ năng đọc và viết, nghiên cứu văn bản. Đọc hiểu và viết được đoạn văn ngắn, đoạn văn dài về những chủ đề khác nhau trong cuộc sống.
CLO3	A4	Tôn trọng giáo viên. Tôn trọng, yêu thương bạn bè và mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp có văn hóa. Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng và sở thích cá nhân. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích, say mê học phần. Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.

33. HỌC PHẦN ĐỌC VIẾT 4

1. Tên học phần (tiếng Việt): Đọc viết 4	Tên tiếng Anh: Reading and Writing 4
2. Mã học phần:	7NNT015
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14

- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Nguyễn Mạnh Tiến GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Đọc Viết 1, 2, 3
- Học phần học trước:	Đọc viết 3
- Học phần song hành:	Nghe nói 4, Dịch nói 2, Dịch viết 2, Tự chọn (chọn 2/6 học phần: Thuyết minh du lịch Hà Nội, Văn hóa Trung Quốc, Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Trung, Khẩu ngữ tiếng Trung 1, Khẩu ngữ tiếng Trung 2, Tiếng Trung báo chí)

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần Kỹ năng Đọc Viết 4 gồm 5 bài trong Giáo trình Đọc – Viết trung cấp – Bộ Phát triển Hán ngữ trung cấp 2. Học phần giới thiệu có hệ thống các kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc có chọn lọc, đọc tra cứu, cách đoán ý nghĩa từ (chữ) mới, cách lí giải ý nghĩa của câu văn. Viết được một đoạn văn, một bài văn với chủ đề cho trước, viết báo cáo thực tập, viết được luận văn. Mỗi bài được thiết kế với hệ thống những đoạn văn, bài văn cùng bài tập đi kèm theo từng kỹ năng cần rèn luyện để người học có thể nâng cao kỹ năng đọc và viết văn bản.

Ngoài ra học phần còn cung cấp đề mô phỏng HSK5 để sinh viên làm quen với dạng đề đọc của kỳ thi HSK

Học phần này nhằm hướng tới mục tiêu giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về cuộc thi HSK và các dạng đề đọc, viết thường gặp khi thi HSK. Học phần đưa ra các phương pháp làm bài giúp sinh viên tự tin hơn khi thi HSK.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Sinh viên đọc hiểu và viết được nội dung giao tiếp trong đoạn văn phức tạp và dài theo các chủ đề khác nhau. Nắm vững các kết cấu ngữ pháp trọng điểm trong bài. Nắm vững các từ vựng với các chủ đề Đọc và Viết khác nhau.
CLO2	S4	Củng cố kỹ năng đọc và viết của sinh viên, phát triển kỹ năng đọc và viết, nghiên cứu văn bản. Đọc hiểu và viết được đoạn văn ngắn, đoạn văn dài về những chủ đề khác nhau trong cuộc sống.
CLO3	A4	Tôn trọng giáo viên. Tôn trọng, yêu thương bạn bè và mọi người xung quanh. Biết ứng xử, giao tiếp có văn hóa. Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các

		hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng và sở thích cá nhân. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích, say mê học phần. Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển mở rộng kiến thức của bản thân.
--	--	---

34. HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT DỊCH

1. Tên học phần (tiếng Việt): Lý thuyết dịch	Tên tiếng Anh: Translation theory
2. Mã học phần:	7NNT016
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đinh Thuý Lan GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	6 học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp
- Học phần học trước:	6 học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp
- Học phần song hành:	Nghe nói 2; Đọc viết 2; Cơ sở văn hóa Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam; Dẫn luận ngôn ngữ

10. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần "Lý thuyết dịch" giới thiệu các kiến thức kỹ năng cơ bản về lí thuyết dịch số từ, đại từ nhân xưng, hư từ, thành ngữ, định ngữ, câu dài v.v.....trong biên phiên dịch Hán Việt - Việt Hán. Chủ đề của các bài dịch trong học phần bao gồm các phạm vi chính trị, kinh tế, lĩnh vực xã hội, môi trường - du lịch nhằm trang bị cho sinh viên lý thuyết dịch, một số vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế.

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung những nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực dịch thuật, phân loại các hình thức biên-phiên dịch, các

phương pháp và kỹ thuật dịch, sự khác biệt giữa dịch thuật Trung-Việt và Việt-Trung. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học kiến thức khái quát về lịch sử dịch thuật, nghề biên phiên dịch, và các bài tập thực hành. Kết thúc học phần sinh viên có thể vận dụng lý thuyết dịch vào việc thực hành biên phiên dịch, và yêu thích dịch thuật.

Chủ đề của các bài dịch trong học phần bao gồm các phạm vi văn hóa, chính trị, kinh tế, lĩnh vực xã hội, môi trường, du lịch nhằm trang bị cho sinh viên một số lý luận dịch, vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Có kiến thức lý thuyết biên phiên dịch và thực hành bài tập dịch từ Trung sang Việt (và ngược lại), có khả năng hiểu và sử dụng đúng các từ ngữ, mẫu câu để dịch trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội, kinh doanh, du lịch,... Trình bày được những khái niệm cơ bản về lý thuyết dịch. Trình bày sự khác biệt giữa biên dịch và phiên dịch. Mô tả các đặc điểm của một bài dịch tốt. Mô tả các vấn đề gặp phải trong dịch thuật và tìm giải pháp. Trình bày các bước dịch một văn bản.
CLO2	S4	Xác định phương pháp tiếp cận, áp dụng các kỹ thuật dịch phù hợp nhất đối với văn bản cần dịch. So sánh - tương phản các bản dịch. Sử dụng chính xác từ loại và phương pháp dịch phù hợp đối với từng loại văn bản thuộc các lĩnh vực như văn hóa xã hội, thương mại, kinh tế, tài chính, du lịch...
CLO3	A4	Thể hiện kỹ năng hành xử chuyên nghiệp và đạo đức của người biên dịch. Làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến dịch thuật. Thuyết trình lưu loát, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến dịch thuật. Thể hiện tính sáng tạo, suy xét, luôn học hỏi tìm tòi cái mới, sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong công tác dịch thuật.

35. HỌC PHẦN: ĐẤT NƯỚC HỌC TRUNG QUỐC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Đất nước học Trung Quốc	Tên tiếng Anh: Chinese learning situation
2. Mã học phần:	7NNT017
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20

-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang TS. Nguyễn Quốc Tư GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	6 học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp
- Học phần học trước:	6 học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp
- Học phần song hành:	Dịch nói 3; Dịch viết 3; Từ vựng học tiếng Trung Quốc; Môn tự chọn (Tiếng Trung Quốc khách sạn nhà hàng; Tiếng Trung Quốc du lịch; Tiếng Trung Quốc trong văn phòng); Phương pháp nghiên cứu khoa học.

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Phần mở đầu sẽ khái quát về Đất nước, con người Trung Quốc, ví dụ như địa lí, diện tích, địa hình, sông ngòi, dân tộc, chữ viết,...

Phần tiếp theo sẽ đi vào nội dung cụ thể từng vùng, khu vực hay thành phố như Bắc Kinh, Tây An, Hàng Châu, Nam Kinh, Quảng Tây, Tân Cương. Ví dụ học về Thủ đô Bắc Kinh sẽ tìm hiểu về hiểu về Bắc Kinh xưa và nay, kiến trúc Cố Cung, Di Hòa Viên, Tử Hợp Viện, kinh kịch, đồ thủ công Cảnh Thái Lam cùng một số món ăn đặc trưng như vịt quay Bắc Kinh, món ăn vặt và món ăn đường phố,... một số lý luận dịch, vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế.

Mở rộng kiến thức tổng hợp về các vấn đề của đất nước Trung Quốc như: Ăn, mặc, ở, đi lại, kiến thức,... Hình thành kỹ năng tổng kết vấn đề, kỹ năng liên hệ thực tế, kỹ năng làm việc nhóm. Có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế học tập và làm việc, năng lực phát triển bản thân.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Sinh viên hiểu rõ và phân tích được về tình hình cơ bản thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội như: Tư tưởng học thuật, tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán lễ hội, ngôn ngữ và chữ viết, kiến trúc và điêu khắc truyền thống, các loại hình nghệ thuật truyền thống..., ở mỗi giai đoạn lịch sử của

		Trung Quốc. Đồng thời nắm được tình hình nghiên cứu, quan điểm tiếp cận và phương pháp nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc.
CLO2	S4	Hình thành kỹ năng thảo luận vấn đề, tiếp cận vấn đề và triển khai nghiên cứu, viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình về một vấn đề cụ thể liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc.
CLO3	A4	Sinh viên lên lớp theo đúng thời gian quy định, tập trung trong giờ học. Làm tốt các yêu cầu của giảng viên theo nội dung bài trên lớp và bài luyện tập ở nhà. Có ý thức tự học để củng cố kiến thức. Biết học hỏi, chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu.

36. HỌC PHẦN: NGỮ ÂM VĂN TỰ TIẾNG HÁN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Ngữ âm văn tự tiếng Hán	Tên tiếng Anh: Chinese Phonetic and letter
2. Mã học phần:	7NNT018
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang ThS. Đinh Thuý Lan GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, 2, 3, 4, 5, 6
- Học phần học trước:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, 2, 3, 4, 5, 6
- Học phần song hành:	Nghe nói 3, Đọc viết 3, Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, Dịch nói 1, Dịch viết 1

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần Ngữ âm văn tự tiếng Hán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc. Nội dung gồm: khái quát hệ thống ngữ âm, đơn vị ngữ âm, phương pháp phát âm, cấu tạo và quy tắc viết âm tiết, các hiện tượng biến âm – biến điệu, cùng sự phát triển của chữ Hán qua các thời kỳ. Bên cạnh

lý thuyết, học phần chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành phát âm, đọc – viết, phân tích cấu tạo chữ Hán và kỹ năng đối chiếu ngôn ngữ. Qua đó, sinh viên không chỉ nắm vững cơ sở lý luận mà còn hình thành năng lực vận dụng vào học tập, nghiên cứu và giao tiếp thực tế.

Nội dung cụ thể gồm:

Ngữ âm - Văn tự Tiếng Trung Quốc nằm trong nhóm các môn Lý thuyết tiếng, học phần cung cấp kiến thức về ngữ âm, văn tự cũng như các phương pháp nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực ngữ âm, văn tự tiếng Trung Quốc cho sinh viên. Học phần này không chỉ giúp sinh viên có được những kiến thức về lý luận ngữ âm, văn tự tiếng Trung Quốc mà còn giúp sinh viên hệ thống lại những kiến thức đã học cũng như nâng cao khả năng thực hành ngôn ngữ trên hai lĩnh vực ngữ âm, văn tự cũng như kỹ năng đọc, viết, kỹ năng đối chiếu ngôn ngữ.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Nắm được khái niệm ngữ âm, vị trí, vai trò của ngữ âm trong ngôn ngữ, giúp người học nắm được tầm quan trọng của ngữ âm trong giao tiếp, thông qua hệ thống lý luận và hình ảnh mô tả cách phát âm giúp cho người học nắm chắc kiến thức về ngữ âm như đơn vị ngữ âm, phân loại ngữ âm, phương pháp phát âm, cấu tạo âm tiết, quy tắc viết phiên âm, biến âm biến điệu, quá trình hình thành chữ Hán, phân tích cấu tạo chữ Hán.
CLO2	S4	Thực hiện triển khai giao tiếp hội thoại xoay quanh các chủ đề về cuộc sống sinh hoạt, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, y học, giao tiếp ứng xử, giao lưu tình cảm,...
CLO3	A4	Rèn luyện thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Nhiệt tình và hăng say tham gia các hoạt động trình bày theo nhóm, đưa ra quan điểm phản biện cá nhân về các vấn đề lý thuyết ngữ âm, văn tự. Có ý thức học tập, chia sẻ và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

37. HỌC PHẦN: NGỮ PHÁP TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI

1. Tên học phần (tiếng Việt): Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại	Tên tiếng Anh: Chinese grammar
2. Mã học phần:	7NNT017
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30

-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang TS. Nguyễn Quốc Tư GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Sinh viên hoàn thành các học phần Tiếng Trung cơ sở
- Học phần học trước:	Sinh viên hoàn thành các học phần Tiếng Trung cơ sở
- Học phần song hành:	Nghe nói 3, Đọc viết 3, Ngữ âm văn tự tiếng Hán, Dịch nói 1, Dịch viết 1.

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần này giúp cho người học có cái nhìn toàn diện hệ thống ngữ pháp, nắm được các quy luật, đặc điểm của nó. Vai trò quan trọng của ngữ pháp trong biểu đạt ngôn ngữ.

Học phần gồm 03 phần:

- Phần 1: Lý luận. Các khái niệm về ngữ pháp. Phân tích ngữ pháp, đơn vị ngữ pháp. Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại.
- Phần 2: Từ và câu. Từ và từ loại. Danh từ, động từ, hình dung từ, đại từ, số từ và lượng từ, phó từ, giới từ, liên từ, trợ từ, từ tượng thanh, thán từ; Tổ hợp từ và kết cấu cú pháp; Câu và thành phần câu; Các loại câu và các kiểu câu; Tổ hợp câu - câu phức.
- Phần 3: Thời gian. Cách biểu đạt thời gian. Thời điểm và thời đoạn. Thời gian và động từ. Hệ thống "thể" hay còn gọi là "thì" trong tiếng Hán.

10. Chuẩn đầu ra học phần,

CĐR học phần	TĐN L	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Nắm chắc hơn hệ thống từ pháp, cú pháp tiếng Hán để từ đó có thể nhận dạng các hiện tượng ngữ pháp, các thành phần câu, cấu trúc câu để tránh được những lỗi sai thường gặp trong giao tiếp cũng như cách hành văn
CLO2	S4	Nắm chắc từ loại, hiểu được thể nào thực từ, hư từ, đoản ngữ, thành phần câu, từ đó biết sử dụng từ chính xác trong giao tiếp cũng như hành văn.
CLO3	A4	Có ý thức tự học để củng cố kiến thức. Biết học hỏi, chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu.

38. HỌC PHẦN: TỪ VỰNG HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Từ vựng học tiếng Trung Quốc	Tên tiếng Anh: Chinese Vocabulary Learning
2. Mã học phần:	7NNT020
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Hương Giang TS. Nguyễn Quốc Tư GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Sau khi hoàn thành 06 học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp, ngữ âm, ngữ pháp.
- Học phần học trước:	Sau khi hoàn thành 06 học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp, ngữ âm, ngữ pháp.
- Học phần song hành:	Dịch nói 3, dịch viết 3, môn tự chọn (Tiếng Trung Quốc khách sạn nhà hàng, Tiếng Trung Quốc du lịch, tiếng Trung Quốc trong văn phòng), Phương pháp nghiên cứu khoa học, Đất nước học Trung Quốc.

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Từ vựng học Tiếng Trung Quốc.

Nội dung cụ thể gồm:

Môn Từ vựng học nằm trong nhóm các môn Lý thuyết tiếng. Học phần được giảng dạy sau khi sinh viên kết thúc các học phần thực hành tiếng và học phần Ngữ âm – văn tự học Trung Quốc. Học phần có nhiệm vụ hệ thống lại những kiến thức đã học, cung cấp kiến thức lý luận về các vấn đề liên quan đến Từ vựng học tiếng Trung Quốc (TTQ) và phương pháp nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực này cho sinh viên. Trong quá trình giảng dạy, học phần trình bày các nội dung cụ thể sau: Trình bày các khái niệm cơ bản về từ vựng học như: Nghĩa từ, lớp nghĩa, từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa...; giới

thiệu các đơn vị cơ bản của từ; chỉ rõ các tính chất và cấu tạo điển hình của nghĩa từ; cung cấp các phương pháp phân tích và lý giải nghĩa từ; quy loại nghĩa từ theo trường nghĩa, dẫn dắt người học tìm hiểu vấn đề từ góc nhìn khái quát cho đến cụ thể.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Nắm được kiến thức về tiếng Hán hiện đại, hệ thống ngữ âm, chữ Hán, phân tích ngữ pháp tiếng Hán hiện đại và kỹ năng ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp đơn giản hàng ngày thông qua bài đọc và bài luyện tập.
CLO2	S4	Hình thành kỹ năng: nói thuyết trình, đọc viết văn bản, nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ.
CLO3	A4	Chủ động trong học tập, chia sẻ và rèn luyện các kiến thức chuyên môn trong Từ vựng Tiếng Trung Quốc.

39. HỌC PHẦN DỊCH NÓI 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dịch nói 1		Tên tiếng Anh: Translate 1
2. Mã học phần:		7NNT021
3. Số tín chỉ:		03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:		Chuyên Ngành
5. Loại học phần:		Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:		
- Lý thuyết		30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận		14
- Đánh giá giữa học phần		1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm		90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:		ThS. Trần Thị Thanh Liêm ThS. Dương Thị Kim Huệ GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:		
- Học phần tiên quyết:		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1 - 6, từ vựng, ngữ pháp, ngôn ngữ học đối chiếu, đất nước học.
- Học phần học trước:		Ngữ âm văn tự tiếng Hán
- Học phần song hành:		Nghe nói 3, Đọc viết 3, Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, Ngữ âm văn tự tiếng Hán, Dịch viết 1

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần "Dịch nói 1" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Biên phiên dịch, bao gồm các nội dung nhập môn phiên dịch, những bài dịch tình huống giao tiếp thông thường, với các chủ điểm chủ đề quen thuộc, cấu trúc đơn giản, từ ngữ tường minh. Phong cách văn bản gốc trong giao tiếp khẩu ngữ với nhiều câu ngắn, kết hợp với ngữ điệu, ngữ khí được phân tích tỉ mỉ nhằm giúp người học hiểu nhanh, hiểu đúng ý đồ người nói, từ đó đưa ra phương án dịch phù hợp, hiệu quả. Các bài tập được sắp xếp từ dễ đến khó, giúp người học rèn luyện khả năng phán đoán, xử lý từ ngữ chuẩn xác, linh hoạt, phù hợp với văn hoá giao tiếp trong quá trình phiên dịch.

10. Nội dung chuẩn đầu ra

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Người học nhận dạng, nắm được các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá và kỹ năng dịch nói cơ bản liên quan đến một số lĩnh vực như: đời sống đô thị và nông thôn, du lịch, văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường, thể dục thể thao và giáo dục đào tạo. Giúp sinh viên xác định được tầm quan trọng của môn học đồng thời tích lũy được kiến thức cơ bản để áp dụng trong quá trình tham gia công tác phiên dịch sau này. Sử dụng được những kiến thức cơ bản về văn hoá, phong tục tập quán, lối sống và con người của Việt Nam và Trung Quốc trong quá trình phiên dịch. Giới thiệu được văn hoá, phong tục tập quán, lối sống và con người của Việt Nam và Trung Quốc.
CLO2	S3	Hình thành được các kỹ năng dịch cơ bản trong dịch nói như: kỹ năng phân tích, nghe hiểu, lựa chọn từ ngữ, biến đổi câu, khái quát ý, xử lý văn bản nguồn, lược dịch, biểu đạt và kỹ năng nghiệp vụ phiên dịch. Sử dụng được các kiến thức ngữ pháp để phát hiện và giải quyết được những vấn đề khó thường gặp trong dịch viết Hán - Việt và Việt - Hán như: dịch câu dài, định ngữ đa tầng, từ ngữ hàm chứa yếu tố văn hoá và thành ngữ. Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ năng dịch, các phần mềm dịch thuật để hoàn thành tốt yêu cầu công việc phiên dịch thực tế. Thể hiện kỹ năng phân tích, chuyển đổi ngôn ngữ thành thạo trong thực hiện nhiệm vụ phiên dịch.
CLO3	A3	Thể hiện trách nhiệm của mình trong công việc phiên dịch. Nhìn thấy giá trị của công việc phiên dịch từ đó chủ động, sáng tạo, có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, luôn coi trọng đạo đức nghề nghiệp và tinh thần học hỏi cầu tiến.

40. HỌC PHẦN DỊCH NÓI 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dịch nói 2	Tên tiếng Anh: Translate 2
2. Mã học phần:	7NNT022
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên Ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Trần Thị Thanh Liêm ThS. Dương Thị Kim Huệ
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1 - 6, từ vựng, ngữ pháp, ngôn ngữ học đối chiếu, đất nước học, Dịch nói 1
- Học phần học trước:	Đọc viết 4
- Học phần song hành:	Dịch viết 2; Đọc viết 4; Nghe nói 4; Môn tự chọn (Thuyết minh du lịch Hà Nội, Văn học Trung Quốc, Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán, Khẩu ngữ tiếng Trung 1, Khẩu ngữ tiếng Trung 2, Tiếng Trung báo chí)

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần "Dịch nói 2" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Biên phiên dịch, củng cố kiến thức và kỹ năng trong quá trình dịch nói; luyện tập các kỹ xảo trong quá trình phiên dịch ở các lĩnh vực khó hơn, rộng hơn, phong phú hơn, môi trường phiên dịch khắc nghiệt hơn, yêu cầu phiên dịch cao cấp hơn như tọa đàm trao đổi trong công việc, thảo luận chuyên môn hoặc trả lời phỏng vấn. Người học được trực tiếp thực hiện phiên dịch ở một số tình huống cụ thể ở một số lĩnh vực cụ thể, từ đó nâng cao bản lĩnh trong phiên dịch. Chủ đề dịch bao gồm các lĩnh vực như giáo dục, chính trị, ngoại giao, kinh tế xã hội, thể dục thể thao...

10. Nội dung chuẩn đầu ra

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Nhận dạng vận dụng được kiến thức từ vựng, cấu trúc câu liên quan đến các lĩnh vực khác nhau như: văn hoá, chính trị, kinh tế, pháp luật, đối ngoại, du lịch, thể thao, giáo dục... Sử dụng

		những kiến thức nâng cao về văn hoá, phong tục tập quán, lối sống và con người của Việt Nam và Trung Quốc trong quá trình phiên dịch
CLO2	S4	Kết hợp và hình thành các kỹ năng nâng cao trong dịch nói như: kỹ năng phân tích, nghe hiểu, lựa chọn từ ngữ, biến đổi câu, khái quát ý, xử lý văn bản nguồn, lược dịch, biểu đạt và kỹ năng nghiệp vụ phiên dịch. Sử dụng được các kiến thức ngữ pháp, từ vựng để phát hiện và giải quyết được những vấn đề khó thường gặp trong dịch viết Hán - Việt và Việt – Hán như: dịch câu dài, định ngữ đa tầng, từ ngữ hàm chứa yếu tố văn hoá và thành ngữ.
CLO3	A4	Thể hiện trách nhiệm của mình trong công việc phiên dịch. Ý thức được tầm quan trọng của môn phiên dịch. Tổ chức tốt thời gian học tập, chủ động học tập, làm việc khoa học, chuyên nghiệp, luôn coi trọng đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần học hỏi cầu tiến.

41. HỌC PHẦN DỊCH NÓI 3

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dịch nói 3		Tên tiếng Anh: Translate 3
2. Mã học phần:		7NNT023
3. Số tín chỉ:		03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:		Chuyên Ngành
5. Loại học phần:		Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:		
-Lý thuyết		30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận		14
- Đánh giá giữa học phần		1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm		90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:		ThS. Trần Thị Thanh Liêm ThS. Dương Thị Kim Huệ GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:		
-Học phần tiên quyết:		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1 - 6, từ vựng, ngữ pháp, ngôn ngữ học đối chiếu, đất nước học, Dịch nói 1, 2
- Học phần học trước:		Dịch viết 2
- Học phần song hành:		Dịch viết 3, Từ vựng học tiếng Trung Quốc, Tự chọn (chọn 1/3 học phần: Tiếng

	Trung Quốc khách sạn nhà hàng; Tiếng Trung Quốc du lịch; Tiếng Trung Quốc văn phòng), Phương pháp nghiên cứu khoa học, Đất nước học Trung Quốc)
--	---

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần "Dịch nói 3" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Biên phiên dịch. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao và kỹ năng dịch thuật về các lĩnh vực xã hội, thương mại, ngoại giao, giải trí của Trung Quốc và Việt Nam. Dịch nói là việc chuyển đổi văn bản nói từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Người dịch nói phải chịu sức ép rất lớn về thời gian; phản ứng rất nhanh và gần như không có thời gian để suy nghĩ, cân nhắc về từ ngữ. Người dịch viết có thể đọc lại những gì mình đã dịch, chữa lại cho ngôn ngữ trong sáng, rõ ràng, chuẩn xác hơn. Nhưng người dịch nói không có cơ hội làm việc ấy. Trong thời gian ngắn nhất, họ phải tìm ra cách dịch chuẩn xác nhất.

10. Nội dung chuẩn đầu ra

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K5	Vận dụng được kiến thức từ vựng, cấu trúc câu liên quan đến các lĩnh vực khác nhau như: văn hoá, chính trị, kinh tế, pháp luật, đối ngoại, du lịch, thể thao, giáo dục... Sử dụng phân tích những kiến thức nâng cao về văn hoá, phong tục tập quán, lối sống và con người của Việt Nam và Trung Quốc trong quá trình phiên dịch
CLO2	S5	Hình thành và kết hợp được các kỹ năng nâng cao trong dịch nói như: kỹ năng phân tích, nghe hiểu, lựa chọn từ ngữ, biến đổi câu, khái quát ý, xử lý văn bản nguồn, lược dịch, biểu đạt và kỹ năng nghiệp vụ phiên dịch. Sử dụng được các kiến thức ngữ pháp, từ vựng để phát hiện và giải quyết được những vấn đề khó thường gặp trong dịch viết Hán - Việt và Việt - Hán như: dịch câu dài, định ngữ đa tầng, từ ngữ hàm chứa yếu tố văn hoá và thành ngữ.
CLO3	A5	Thể hiện trách nhiệm của mình trong công việc phiên dịch. Ý thức được tầm quan trọng của môn phiên dịch. Tổ chức tốt thời gian học tập, chủ động học tập, làm việc khoa học, chuyên nghiệp, luôn coi trọng đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần học hỏi cầu tiến.

42. HỌC PHẦN DỊCH VIẾT 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dịch viết 1	Tên tiếng Anh: Text translation 1
2. Mã học phần:	7NNT024
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên Ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
-Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Trần Thị Thanh Liêm ThS. Dương Thị Kim Huệ GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
-Học phần tiên quyết:	Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp
- Học phần học trước:	Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp
- Học phần song hành:	Nghe nói 3; Đọc viết 3;Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại; Ngữ âm văn tự tiếng Hán; Dịch nói 1.

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm 45 tiết lên lớp giảng viên sẽ cho sinh viên bước đầu làm quen với các bài tập luyện dịch cơ bản. Phần này sẽ là các câu tiếng Việt hoặc tiếng Trung thường được sử dụng và được biên soạn theo hệ thống ngữ pháp tiếng Hán hiện đại ở cả mảng giao tiếp và hàn lâm học thuật, giúp các bạn cải thiện, hoàn thiện kiến thức cũng như thực hành ứng dụng các mảng ngữ pháp, cấu trúc, củng cố thêm vốn từ vựng tiếng Trung ứng dụng. Cụ thể là các loại câu chữ "把", câu bị động, câu liên động, câu tồn hiện, biểu thị hành động chỉ thời gian, định ngữ, trạng ngữ, các loại bổ ngữ, các loại câu so sánh, các trợ từ...

10. Nội dung chuẩn đầu ra

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Người học nắm được các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá và kỹ năng dịchviếtcơ bản, cókhả năng hiểu và sử dụng đúng các từ vựng, mẫu câu để dịch viết trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội, kinh doanh, du lịch,....Có kiến thức lý thuyết biên dịch và thực hành

		bài tập dịch từ Trung sang Việt (và ngược lại),...
CLO2	S3	Sử dụng chính xác tiếng Trung thể hiện trong dịch thuật văn bản thông thường trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội bằng văn bản, thương mại. Kỹ năng sử dụng đúng các từ loại để dịch các câu và đoạn văn từ Trung sang Việt và ngược lại.
CLO3	A3	Biết tổ chức việc học và tự học. Tích cực tham gia các hoạt động học tập trong lớp. Chăm chỉ tự học theo nhóm hoặc cá nhân. Hỗ trợ lẫn nhau, hoàn thành các bài tập được giao.

43. HỌC PHẦN DỊCH VIẾT 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dịch viết 2	Tên tiếng Anh: Text translation 2
2. Mã học phần:	7NNT025
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên Ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Trần Thị Thanh Liêm ThS. Dương Thị Kim Huệ GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, Từ vựng, Ngữ pháp, Ngôn ngữ học đối chiếu, Đất nước học, Dịch viết 1
- Học phần học trước:	Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, Từ vựng, Ngữ pháp, Ngôn ngữ học đối chiếu, Đất nước học, Dịch viết 1
- Học phần song hành:	Nghe nói 4, Đọc viết 4, Dịch nói 2, Tự chọn (chọn 2/6 học phần: Thuyết minh du lịch Hà Nội, Văn học Trung Quốc, Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán, Khẩu ngữ tiếng Trung 1, Khẩu ngữ tiếng Trung 2, Tiếng Trung báo chí)

11. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm 45 tiết học trên lớp và là học phần nối tiếp nâng cao của học phần dịch viết 1. Phần này luyện dịch các đoạn văn ngắn với dung lượng 100 - 300 từ trong các lĩnh vực của đời sống như giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch, đất nước con người Việt Nam. Phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng dịch, tích lũy cấu trúc tiếng Trung nâng cao cũng như lượng từ vựng phong phú ở nhiều lĩnh vực. Giúp sinh viên nắm vững nội dung cơ bản liên quan đến từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp. Hình thành kỹ năng dịch đúng, bám sát văn bản.

10. Nội dung chuẩn đầu ra

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Người học nắm được các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá và kỹ năng dịch cơ bản, có khả năng hiểu và sử dụng đúng các từ vựng, mẫu câu để dịch viết trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội, kinh doanh, du lịch,... Có kiến thức lý thuyết biên dịch và thực hành bài tập dịch từ Trung sang Việt (và ngược lại),...
CLO2	S4	Sử dụng chính xác tiếng Trung thể hiện trong dịch thuật văn bản thông thường trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội bằng văn bản, thương mại. Kỹ năng sử dụng đúng các từ loại để dịch các câu và đoạn văn từ Trung sang Việt và ngược lại.
CLO3	A4	Biết tổ chức việc học và tự học. Tích cực tham gia các hoạt động học tập trong lớp. Chăm chỉ tự học theo nhóm hoặc cá nhân. Hỗ trợ lẫn nhau, hoàn thành các bài tập được giao.

44. HỌC PHẦN DỊCH VIẾT 3

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dịch viết 3	Tên tiếng Anh: Text translation 3
2. Mã học phần:	7NNT026
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên Ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Các giảng viên phụ trách học phần:		ThS. Trần Thị Thanh Liêm ThS. Dương Thị Kim Huệ GN nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:		
- Học phần tiên quyết:		Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, Từ vựng, Ngữ pháp, Ngôn ngữ học đối chiếu, Đất nước học, Dịch viết 1, 2
- Học phần học trước:		Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, Từ vựng, Ngữ pháp, Ngôn ngữ học đối chiếu, Đất nước học, Dịch viết 1, 2
- Học phần song hành:		Dịch nói 3, Từ vựng tiếng Trung Quốc, môn tự chọn (Tiếng Trung Quốc khách sạn nhà hàng, Tiếng Trung Quốc du lịch, Tiếng Trung Quốc trong văn phòng), Phương pháp nghiên cứu khoa học, Đất nước học Trung Quốc).

12. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trên cơ sở luyện dịch câu, đoạn văn của hai học phần trước sẽ cho sinh viên luyện dịch ngược xuôi các văn bản dựa theo các chuyên đề về kinh tế chính trị, tăng thêm vốn hiểu biết cho sinh viên về những lĩnh vực này. Giúp sinh viên nắm vững nội dung cơ bản liên quan đến từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp, hình thành kỹ năng dịch đúng, bám sát văn bản, hình thành tư duy độc lập và kỹ năng làm việc nhóm. Có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế công việc và khả năng phát triển năng lực bản thân.

10. Nội dung chuẩn đầu ra

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K5	Người học nắm được các kiến thức ngôn ngữ, văn hoá và kỹ năng dịch viết cơ bản, có khả năng hiểu và sử dụng đúng các từ vựng, mẫu câu để dịch viết trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội, kinh doanh, du lịch,.... Có kiến thức lý thuyết biên dịch và thực hành bài tập dịch từ Trung sang Việt (và ngược lại),...
CLO2	S5	Sử dụng chính xác tiếng Trung thể hiện trong dịch thuật văn bản thông thường trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội bằng văn bản, thương mại. Kỹ năng sử dụng đúng các từ loại để dịch các câu và đoạn văn từ Trung sang Việt và ngược lại.

CLO3	A5	Biết tổ chức việc học và tự học. Tích cực tham gia các hoạt động học tập trong lớp. Chăm chỉ tự học theo nhóm hoặc cá nhân. Hỗ trợ lẫn nhau, hoàn thành các bài tập được giao.
------	----	--

45. HỌC PHẦN: THUYẾT MINH CẢNH QUAN DU LỊCH HÀ NỘI

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội	Tên tiếng Anh: Description of Hanoi tourist landscape
2. Mã học phần:	7NNT034
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hứa Hương Giang TS. Nguyễn Quốc Tư GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Nghe nói 4, Đọc viết 4, Dịch nói 2, Dịch viết 2, Môn tự chọn: Thuyết minh du lịch Hà Nội, Văn học Trung Quốc, Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán, Khẩu ngữ

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội nhằm củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, đồng thời mở rộng vốn kiến thức về văn hóa du lịch. Mở rộng vốn từ về nghiệp vụ du lịch, các cảnh điểm du lịch Hà Nội. Rèn luyện kỹ năng thuyết minh cảnh quan du lịch và bồi dưỡng vốn kiến thức về văn hóa du lịch Hà Nội

Học phần Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội tập trung vào thuyết minh những cảnh quan điển hình của Hà Nội như: Lăng Bác, Văn Miếu, Chùa ở Hà Nội, Hồ Hoàn Kiếm, Hoàng Thành Thăng Long, Phố cổ... Trên cơ sở đó người học tiếp tục phát huy tính năng động sáng tạo, tự tìm tòi nghiên cứu để có thể giới thiệu tiếp những cảnh quan khác ở Hà Nội cũng như trên toàn quốc.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐ NL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Có khả năng giao tiếp đối thoại trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, khả năng trình bày, thuyết minh các cảnh điểm du lịch Hà Nội, có kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch Hà Nội.
CLO2	S4	Vận dụng thành thực các cách diễn đạt và từ ngữ thường dùng trong hướng dẫn du lịch. Giao tiếp đối thoại với khách du lịch, giới thiệu, thuyết minh các cảnh quan du lịch Hà Nội.
CLO3	A3	Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm. Tổ chức việc học tập hiệu quả và phát triển khả năng học tập suốt đời nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và chất lượng cuộc sống.

46. HỌC PHẦN: VĂN HỌC TRUNG QUỐC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Văn học Trung Quốc	Tên tiếng Anh: Chinese literature
2. Mã học phần:	7NNT028
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hứa Hương Giang TS. Nguyễn Quốc Tư GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Nghe nói 4, Đọc viết 4, Dịch nói 2, Dịch viết 2, Môn tự chọn (Thuyết minh du lịch Hà Nội, Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán, Khẩu ngữ tiếng Trung 1, Khẩu ngữ tiếng Trung 2, Tiếng Trung báo chí).

9. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Văn học Trung Quốc.

Nội dung cụ thể gồm:

Chương trình Văn học Trung Quốc bao gồm các nội dung như: Văn học cổ đại Trung Quốc, văn học hiện đương đại Trung Quốc với những chủ đề như:

1. Thơ ca, truyền thuyết thần thoại và tản văn tiên Tần
2. Văn học Tần Hán với Sử ký của Tư Mã Thiên
3. Văn học Kiến An và Đào Uyên Minh
4. Thơ Đường tuyển chọn, Lý Bạch và Đỗ Phủ
5. Văn học đời Tống, tác phẩm Từ chọn lọc
6. Quan Hán Khanh, Vương Thực Phủ với Đậu Nga Oan và Tây Sương Ký
7. Tiểu thuyết Minh Thanh
8. Lỗ Tấn và văn học hiện đại Trung Quốc
9. Mạc Ngôn và tiểu thuyết văn học đương đại Trung Quốc
10. Tản văn đương đại và văn học phim ảnh Trung Quốc

10. Chuẩn đầu ra học phần,

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Phân tích được những nét riêng, độc đáo của văn chương Trung Quốc; xác định được tầm quan trọng của văn học đối với việc học ngôn ngữ, đồng thời tìm hiểu văn hóa thông qua văn học của dân tộc đó.
CLO2	S4	Hình thành khả năng cảm thụ văn chương để làm giàu vốn sống và tự hoàn thiện bản thân, hiểu biết về văn hóa - xã hội Trung Quốc, củng cố bản lĩnh văn hóa dân tộc trong quá trình giao tiếp, làm việc.
CLO3	A3	Có ý thức chia sẻ tinh hoa văn chương của nhân loại để làm giàu vốn sống cũng như cảm thụ văn học; có khả năng tranh luận đến các vấn đề đã và đang diễn ra trong đời sống xã hội thông qua trang sách văn học nhằm góp phần hoàn thiện nhân cách bản thân.

47. HỌC PHẦN: QUÁN NGỮ TRONG KHẨU NGỮ TIẾNG HÁN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán	Tên tiếng Anh: Chinese Idioms
2. Mã học phần:	7NNT029
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	

- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hứa Hương Giang TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Dịch viết 2, Dịch nói 2, Đọc viết 4, Nghe nói 4, Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội, Văn học Trung Quốc, Khẩu ngữ tiếng Trung 1, Khẩu ngữ tiếng Trung 2, Tiếng Trung báo chí.

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần đi theo giáo trình và một số tài liệu tham khảo về Quán Ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán, tiến hành giới thiệu, giải thích các Quán ngữ thường dùng, đưa ra bối cảnh cụ thể và cách dùng các Quán ngữ đó. Người học sẽ cùng luyện tập bằng cách làm các bài tập trong giáo trình, các hình thức rèn luyện trên lớp v.v...

Việc sử dụng nhuần nhuyễn Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán sẽ giúp người học cảm thấy dễ dàng, tự tin hơn trong giao tiếp.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Nhận dạng được quán ngữ bản chất là cụm từ (tổ hợp từ) bởi vậy nó có thể là bất cứ từ loại nào, đảm nhận nhiều vị trí, chức năng trong câu như các từ ngữ đơn thuần. Tuy nhiên do tính chất đặc biệt của mình, cần hiểu được quán ngữ mang lại hiệu quả diễn đạt cao hơn.
CLO2	S4	Thành thạo được kỹ năng dùng quán ngữ một cách thành thạo, có sức bật, linh hoạt trong cách sử dụng quán ngữ khi dùng tiếng Trung trong giao tiếp hàng ngày.
CLO3	A3	Có ý thức tự học để củng cố kiến thức. Biết học hỏi, chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu.

48. HỌC PHẦN KHẨU NGỮ TIẾNG TRUNG 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): Khẩu ngữ tiếng Trung 1	Tên tiếng Anh: Chinese Speaking 1
2. Mã học phần:	7NNT030
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hứa Hương Giang ThS. Trần Thị Thanh Liêm GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Nghe nói 4; Đọc viết 4; Dịch nói 2; Dịch viết 2; học phần tự chọn (Thuyết minh du lịch Hà Nội; Văn học Trung Quốc; Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán; Khẩu ngữ tiếng Trung 2; Tiếng Trung báo chí).

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Môn khẩu ngữ nằm trong nhóm các môn thực hành tiếng. Nội dung bài khóa phong phú, gần gũi, liên quan đến những vấn đề nổi bật trong đời sống xã hội thực tế. Người học trình bày ý kiến cá nhân, thảo luận nhóm, trao đổi ý kiến hoặc tranh luận đa chiều, vừa nâng cao kỹ năng khẩu ngữ, vừa bổ sung kiến thức xã hội, nâng cao tinh thần làm việc theo nhóm.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐ NL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Sinh viên vận dụng được từ vựng theo chủ đề như: làm quen, xưng hô, quê hương, danh lam thắng cảnh, làm việc,...Các cấu trúc thường dùng khi muốn biểu đạt ý kiến của bản thân, giải thích, giới thiệu...
CLO2	S4	Thuần thực kỹ năng phát âm, chuẩn hóa ngữ âm, ngữ điệu. Vận dụng từ vựng theo các chủ đề vào giao tiếp.

		Tôn trọng giáo viên. Tôn trọng, yêu thương bạn bè và mọi người xung quanh.
CLO3	A3	Biết ứng xử, giao tiếp có văn hóa. Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng và sở thích cá nhân. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích, say mê học phần.

49. HỌC PHẦN KHẨU NGŨ TIẾNG TRUNG 2

2. Tên học phần (tiếng Việt): Khẩu ngữ tiếng Trung 2		Tên tiếng Anh: Chinese Speaking 2
2. Mã học phần:		7NNT031
3. Số tín chỉ:		03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:		Chuyên ngành
5. Loại học phần:		Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:		
- Lý thuyết		30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận		14
- Đánh giá giữa học phần		1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm		90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:		ThS. Hứa Hương Giang ThS. Trần Thị Thanh Liêm GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:		
- Học phần tiên quyết:		Khẩu ngữ tiếng Trung 1
- Học phần học trước:		Khẩu ngữ tiếng Trung 1
- Học phần song hành:		Nghe nói 4; Đọc viết 4; Dịch nói 2; Dịch viết 2; Môn tự chọn (Thuyết minh du lịch Hà Nội; Văn học Trung Quốc; Quản ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán; Tiếng Trung báo chí)

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần Khẩu ngữ tiếng Trung 2 giúp sinh viên rèn luyện ngữ âm, củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở phần trước, sử dụng thành thạo các lớp từ theo chủ đề. Qua quá trình học tập, sinh viên có khả năng diễn đạt miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc. Biết đưa ra ý kiến của bản thân về các vấn đề xã hội phổ biến,...

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Sinh viên vận dụng được Từ vựng theo chủ đề như: làm quen, xưng hô, quê hương, danh lam thắng cảnh, làm việc, mua sắm, hoạt động ngoại khóa...; Các cấu trúc thường dùng khi muốn biểu đạt ý kiến của bản thân, giải thích, thuyết minh, giới thiệu, tán thưởng...
CLO2	S4	Nắm vững được vốn từ đã học, đạt 90% trở lên.. Có thể biểu đạt mong muốn, nguyện vọng, ý kiến của mình trong giao tiếp hàng ngày hoặc theo chủ đề, có thể tiến hành tường thuật thành đoạn một cách lưu loát và biểu đạt tương đối hoàn chỉnh một bài văn có sự chuẩn bị trước. Giao tiếp hội thoại xoay quanh các chủ đề về cuộc sống sinh hoạt, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, y học, giao tiếp ứng xử, giao lưu tình cảm,... Vận dụng từ vựng theo chủ đề vào thực tế giao tiếp. Biết sử dụng tiếng Trung miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc.
CLO3	A3	Tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Yêu thích và say mê học phần. Rèn luyện thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển, mở rộng kiến thức của bản thân.

50. HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG DU LỊCH

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung du lịch	Tên tiếng Anh: Tourist Chinese
2. Mã học phần:	7NNT032
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hứa Hương Giang ThS. Trần Thị Thanh Liêm GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	

- Học phần tiên quyết:	Các học phần Hán cơ sở Sơ - Trung cấp; Đọc hiểu Sơ – Trung cấp
- Học phần học trước:	Các học phần Hán cơ sở Sơ - Trung cấp; Đọc hiểu Sơ – Trung cấp
- Học phần song hành:	Dịch nói 3; Dịch viết 3; Từ vựng học tiếng Trung; Môn tự chọn (Tiếng Trung khách sạn nhà hàng; Tiếng Trung Quốc trong văn phòng); Phương pháp nghiên cứu khoa học; Đất nước học Trung Quốc.

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Tiếng Trung du lịch.

Nội dung cụ thể gồm:

Học phần Tiếng Trung Quốc du lịch cung cấp cho sinh viên các từ, cấu trúc câu và các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên tiếp tục được nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng và được bổ sung thêm các kỹ năng giao tiếp trong nghiệp vụ du lịch. Nội dung của học phần Tiếng Trung du lịch được sắp xếp theo trình tự các chủ điểm trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: Phương tiện du lịch, qua hải quan, đón đoàn du lịch, lịch trình du lịch, giới thiệu cảnh điểm du lịch,... giúp người học không chỉ trang bị được kiến thức tiếng, đồng thời còn hiểu thêm về các kiến thức nghiệp vụ du lịch.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Biểu diễn được những thuật ngữ thường được sử dụng trong lĩnh vực lễ hành, ngữ pháp, tra cứu thông tin, có thêm kinh nghiệm kiến thức trong lĩnh vực lễ hành, mở rộng thêm cơ hội việc làm cho sinh viên.
CLO2	S4	Sử dụng và phát triển khả năng giao tiếp đối thoại trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. Biết vận dụng đúng từ vựng, ngữ pháp và ngữ nghĩa trong giao tiếp hướng dẫn du lịch.
CLO3	A3	Rèn luyện thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Nghiêm túc trong học tập. Luôn tìm tòi và phát triển, mở rộng kiến thức của bản thân.

51. HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG KHÁCH SẠN NHÀ HÀNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung khách sạn nhà hàng	Tên tiếng Anh: Chinese Hotel Restaurant
--	---

2. Mã học phần:	7NNT033
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	9
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hứa Hương Giang ThS. Trần Thị Thanh Liêm GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Dịch viết 3, Dịch nói 3, Từ vựng học tiếng Trung Quốc, môn tự chọn (Tiếng Trung Quốc khách sạn nhà hàng, Tiếng Trung Quốc du lịch, Tiếng Trung Quốc văn phòng), Phương pháp nghiên cứu khoa học, Đất nước học.

9. Tóm tắt nội dung học phần : Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Tiếng Trung khách sạn nhà hàng.

Nội dung cụ thể gồm: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kỹ năng đón tiếp và quản lý, hướng dẫn cho người học quy trình chuẩn bị đón khách cho đến lúc tiễn khách, cung cấp cho người học cách giải quyết xử lý tình huống cũng như cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngành dịch vụ Nhà hàng – Khách sạn, triển khai được những kiến thức, kỹ năng này vào trong công việc sau này.
CLO2	S4	Phát triển cách giải quyết xử lý tình huống cũng như cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng. Ngoài ra, người học còn được học thêm cách sử dụng những kỹ năng mềm như: Hướng dẫn quy trình và sử dụng dịch vụ khi lưu trú khách sạn, hướng dẫn lễ nghi khi ăn tiệc – tiệc buffet...
CLO3	A3	Có cái nhìn đúng đắn về nghề Nhà hàng - Khách sạn, góp phần

52. HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG BÁO CHÍ

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung báo chí	Tên tiếng Anh: Chinese journalism
2. Mã học phần:	7NNT034
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	Th.S Hứa Hương Giang ThS. Trần Thị Thanh Liêm GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Nghe nói 4, Đọc viết 4, Dịch nói 2, Dịch viết 2, Môn tự chọn: Thuyết minh du lịch Hà Nội, Văn học Trung Quốc, Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán, Khẩu ngữ

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Đây là học phần tự chọn đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6, 7. Là học phần rèn luyện kỹ năng đọc hiểu với các thể tài báo chí có nội dung đề cập mọi lĩnh vực đời sống Trung Quốc đương đại như ngoại giao, cải cách mở cửa, kinh tế, môi trường, giáo dục, việc làm, giao thông, thanh niên, phụ nữ, hôn nhân. Trọng điểm giảng dạy học tập tập trung vào các nội dung: Từ ngữ, kết cấu - mẫu câu, ngữ đoạn, thể loại, kỹ năng đọc hiểu.

Phần 1. Những nội dung giảng dạy về từ ngữ: Từ ngữ cơ bản thường dùng trong báo chí; thuật ngữ chuyên ngành: Chú trọng những từ ngữ chuyên môn mới xuất hiện, khó hiểu hoặc những từ ngữ có nội hàm văn hóa cao; thành ngữ và các ngữ cố định; những từ ngữ rút gọn, các cách diễn đạt văn tắt; cách dùng các hư từ.

Phần 2. Các loại câu thông dụng trong báo chí.

Phần 3. Các đoạn văn.

Phần 4. Sinh viên thực hành

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Vận dụng được các kiến thức về tiếng Hán hiện đại, xây dựng kỹ năng đọc hiểu với các thể tài báo chí có nội dung đề cập mọi lĩnh vực đời sống Trung Quốc đương đại như ngoại giao, cải cách mở cửa, kinh tế, môi trường, giáo dục, việc làm, giao thông, thanh niên, phụ nữ, hôn nhân....
CLO2	S4	Vận dụng hiểu biết về văn hóa - xã hội Trung Quốc để củng cố kiến thức về văn hóa và xã hội của Trung Quốc. Xác định trách nhiệm cá nhân, mục tiêu hoạt động của nhóm, thể hiện hợp tác tích cực với các thành viên khác.
CLO3	A3	Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm. Tổ chức việc học tập hiệu quả và phát triển khả năng học tập suốt đời nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và chất lượng cuộc sống.

53. HỌC PHẦN: TIẾNG TRUNG VĂN PHÒNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung văn phòng	Tên tiếng Anh: Office Chinese
2. Mã học phần:	7NNT035
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	20
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	9
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hứa Hương Giang ThS. Trần Thị Thanh Liêm GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết 2
- Học phần học trước:	Kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết 2
- Học phần song hành:	Dịch nói 3; Dịch viết 3; Từ vựng học tiếng Trung Quốc; môn tự chọn (Tiếng Trung Quốc nhà hàng khách sạn; Tiếng Trung du lịch; Phương pháp nghiên cứu khoa học; Đất nước học Trung

11. Tóm tắt nội dung học phần :

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Tiếng Trung văn phòng.

Nội dung cụ thể gồm:

Học phần có nội dung thiết thực, chủ đề của mỗi bài đều là những chủ đề rất cơ bản, đơn giản và thông dụng. Đồng thời, nội dung bài học cũng chú trọng cho sinh viên những đặc điểm nổi bật cần chú ý trong hành chính văn phòng, từ việc sàng lọc từ vựng đến phong cách diễn đạt, giúp sinh viên có thể đọc hiểu, nắm vững và vận dụng vào công việc trong tương lai.

Mỗi bài học trong chương trình nội dung đều rất đa dạng như: cơ cấu công ty, nghiệp vụ hành chính văn phòng, phỏng vấn, bồi dưỡng nhân viên, văn hoá doanh nghiệp, các loại văn bản giấy tờ dùng trong công ty, bố trí nhiệm vụ, kế hoạch và báo cáo cuối năm... Đồng thời, nội dung các bài học được phân bổ từ dễ đến khó, bài khóa và bài tập được gắn kết chặt chẽ với nhau, đảm bảo sinh viên có thể thực hành một cách tối đa và hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, người học tiếp tục được nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng và được bổ sung thêm các kỹ năng giao tiếp trong nghiệp vụ hành chính văn phòng.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Vận dụng tốt vốn từ trong lĩnh vực hành chính văn phòng như phỏng vấn, gọi điện hẹn, tiếp khách, tiếp thu ý kiến, bàn giao công việc...
CLO2	S4	Kỹ năng vận dụng thành thạo lớp từ trong lĩnh vực hành chính văn phòng, vận dụng các cấu trúc thường gặp trong hành chính văn phòng, hiki năng giao tiếp hành chính văn phòng bằng tiếng Trung Quốc tự tin, chính xác,...
CLO3	A3	Tự trọng, tự tin trong giao tiếp và các hoạt động hàng ngày, đặc biệt trong lĩnh vực hành chính văn phòng. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với khả năng.

56. HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ VĂN HÓA TRUNG QUỐC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	Tên tiếng Anh: Chinese language and culture
2. Mã học phần:	7NNT037
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hứa Hương Giang ThS. Trần Thị Thanh Liêm GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế (Kỹ năng thuyết trình).

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Giới thiệu khái quát văn hóa truyền thống và phong tục tập tục Trung Quốc- một trong những chiếc nôi của văn minh nhân loại. Những thành tựu rực rỡ của nền văn minh ấy được kết tinh trong nhiều lĩnh vực như kỹ thuật, kiến trúc, điêu khắc, triết học, tôn giáo, văn học, hội họa.... “Nhập môn văn hóa Trung Quốc” giúp người học đã có trình độ tiếng Hán nhất định hiểu thêm về những thành tựu rực rỡ này. Nội dung trình bày chủ yếu gồm tư tưởng truyền thống, quan niệm đạo đức truyền thống, văn học, nghệ thuật truyền thống (hội họa, thư pháp, âm nhạc, vũ đạo, hý kịch), văn vật, kinh tế, khoa học kỹ thuật, kiến trúc, nhân sinh, tín ngưỡng, lễ nghi, lễ tết, nghề truyền thống, ẩm thực, trang phục, võ thuật, y học.... trong học tập và nghiên cứu.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Xác định hình cơ bản thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội như: Tư tưởng học thuật, tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán lễ hội, ngôn ngữ và chữ viết, kiến trúc và điêu khắc truyền thống, các loại hình nghệ thuật truyền thống...ở mỗi giai

		đoạn lịch sử của Trung Quốc. Đồng thời nhận dạng được tình hình nghiên cứu, quan điểm tiếp cận và phương pháp nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc.
CLO2	S4	Có kỹ năng thảo luận vấn đề, tiếp cận vấn đề và triển khai nghiên cứu, viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình về một vấn đề cụ thể liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc.
CLO3	A3	Có ý thức tự học để củng cố kiến thức. Biết học hỏi, chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu.

57. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng thuyết trình	Tên tiếng Anh:
2. Mã học phần:	7NNT039
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	- ThS. Hứa Hương Giang - ThS. Trần Thị Thanh Liêm - GV nhóm biên soạn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	- Kỹ năng mềm
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

9. Tóm tắt nội dung học phần :

Đây là kỹ năng cốt lõi, rất cần thiết cho cả quá trình học tập trên giảng đường cũng như hiệu quả làm việc sau này. Kỹ năng giao tiếp giúp sinh viên nắm được bản chất của quá trình giao tiếp; cải thiện các kỹ năng nói, viết, lắng nghe và ứng xử; tạo lập quan hệ và gây ấn tượng tốt với những người xung quanh. Kỹ năng thuyết trình nhằm cung cấp cho sinh viên các công cụ, phương tiện và kỹ thuật trình bày thuyết phục, cách làm thế nào để truyền tải thông điệp một cách dễ hiểu, thu hút và thuyết phục nhất tới người nghe.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐN L	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Hình thành và thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp, thuyết trình phục vụ cho kỹ năng chuyên môn chính.
CLO2	S4	Áp dụng thuần thục các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp, ứng xử, thuyết trình trong quá trình học tập và trong tương tác với đối tác khi thực hiện chuyên môn
CLO3	A3	Sinh viên chủ động định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình để nâng cao trình độ theo định hướng được đào tạo; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở tổ chức, thực hiện tốt kế hoạch học tập học phần đề ra.

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình

- Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Căn cứ Kế hoạch số 494/KH - ĐHDD ngày 4/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển toàn bộ chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Đông Đô.

8.2. Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình:

- Sinh viên thực hiện CTĐT theo nguyên tắc khối kiến thức chung thực hiện trước, khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức ngành thực hiện sau. Một số học phần của khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức ngành có thể bố trí xen kẽ trong các học kỳ đầu để đảm bảo tiến trình đào tạo.
- Loại hình và thời gian đào tạo: Áp dụng đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Trung Quốc trình độ đại học, với tổng thời gian đào tạo là 4 năm. Sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ là 4 năm học. Sinh viên có thể học tăng thêm khối lượng tín chỉ của mỗi học kỳ để có thể tốt nghiệp sớm 1 học kỳ (3 năm rưỡi). Tuy nhiên sinh viên học tăng khối lượng cần chú ý cân nhắc thời gian, lực học và kinh phí để không bị hủy môn hoặc kết quả học thấp.

8.3. Trách nhiệm của các đơn vị đào tạo

Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình; cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy từng học phần để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

Chuẩn bị đầy đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mô đun kiến thức của học phần tiên quyết, học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

8.4. Trách nhiệm của giảng viên

8.4.1. Trách nhiệm về giảng dạy

Giảng viên phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

Giảng viên phải cung cấp học liệu cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi nghe giảng.

Tổ chức cho sinh viên các buổi thảo luận, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm. Coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên tôn trọng “thực học, thực hành”.

- Áp dụng các phương pháp dạy – học phát huy được tích cực, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên thực hành các năng lực nghề nghiệp.

8.4.2. Trách nhiệm về kiểm tra, đánh giá:

Theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Theo Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên; thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo và khi kết thúc khóa học dựa vào chuẩn kiến thức và kỹ năng đầu ra của ngành ngôn ngữ Trung Quốc, chuẩn đầu ra cho từng học phần được đánh giá theo các tiêu chí quy định.

8.5. Trách nhiệm của sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với điều kiện của bản thân và tiến độ.

Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng, phải lên lớp đầy đủ thời gian để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

Sinh viên tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp, thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TS. Đào Hải

